



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
 Khoa Khoa học xã hội và nhân văn
 Bộ môn: Lý luận Chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHNT, ngày tháng năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN**
- Tiếng Anh: **PHILOSOPHY OF MARXISM AND LENINISM**

Mã học phần: **POL307**

Số tín chỉ: **3 (3-0)**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Học phần Triết học Mác - Lênin cung cấp những kiến thức cơ bản về Triết học Mác - Lênin. Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Nội dung học phần bao gồm 11 chủ đề: Chủ đề 1: Triết học và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Chủ đề 2: Vật chất và ý thức; Chủ đề 3: Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chủ đề 4: Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chủ đề 5: Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật; Chủ đề 6: Lý luận nhận thức; Chủ đề 7: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; Chủ đề 8: Giai cấp và dân tộc; Chủ đề 9: Nhà nước và cách mạng xã hội; Chủ đề 10: Ý thức xã hội; Chủ đề 11: Triết học về con người.

3. Mục tiêu:

Học phần Triết học Mác - Lênin giúp người học xác lập thế giới quan, phương pháp luận chung nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng trong học tập và trong hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả. Đồng thời nhận thức được bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin. Từ đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cho người học trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học:

a. Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn. Có thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b. Vận dụng thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác - Lênin vào trong học tập và trong hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả.

c. Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm cần thiết khác để học tập, làm việc, giải quyết các vấn đề trong công việc chuyên môn và trong cuộc sống.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT tổng quát:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| A | x | | | | | | | | | |
| B | | x | | | | | | | | |
| C | | | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề 1 | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1.1 Triết học và Triết học Mac - Lênin 1.1.1 Khái lược về Triết học 1.1.2 Khái niệm triết học Mác – Lênin và các giai đoạn phát triển của 1.2 Vấn đề cơ bản của triết học 1.3 Biện chứng và siêu hình | b,c | 5 | 0 |
| 2 | VẬT CHẤT VÀ Ý THỨC 2.1 Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.2 Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.3 Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức | a,b,c | 7 | 0 |
| 3 | HAI NGUYÊN LÝ CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 3.1 Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến 3.2 Nguyên lý về sự phát triển | a,b,c | 3 | 0 |
| 4 | CÁC CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT 4.1 Cái riêng và cái chung 4.2 Nguyên nhân kết quả 4.3 Tất nhiên và ngẫu nhiên 4.4 Nội dung và hình thức | a,b,c | 3 | 0 |

| | | | | |
|-----------|---|-------|---|---|
| 4.5 | Bản chất và hiện tượng | | | |
| 4.6 | Khả năng và hiện thực | | | |
| 5 | CÁC QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT | a,b,c | 5 | 0 |
| 5.1 | Quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại | | | |
| 5.2 | Quy luật thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập | | | |
| 5.3 | Quy luật phủ định của phủ định | | | |
| 6 | LÝ LUẬN NHẬN THỨC | a,b,c | 3 | 0 |
| 6.1 | Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng | | | |
| 6.2 | Nguồn gốc, bản chất của nhận thức | | | |
| 6.3 | Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức | | | |
| 6.4 | Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức | | | |
| 6.5 | Tính chất của chân lý | | | |
| 7 | HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI | a,b | 6 | 0 |
| 7.1 | Sản xuất vật chất cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội | | | |
| 7.2 | Biện chứng giữa LLSX và QHSX | | | |
| 7.3 | Biện chứng giữa CSHT và KTTT | | | |
| 7.4 | Sự phát triển hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử tự nhiên | | | |
| 8 | GIAI CẤP VÀ DÂN TỘC | a,b,c | 3 | 0 |
| 8.1 | Giai cấp và đấu tranh giai cấp | | | |
| 8.2 | Dân tộc | | | |
| 8.3 | Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại | | | |
| 9 | NHÀ NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | a,b,c | 3 | 0 |
| 9.1 | Nhà nước | | | |
| 9.2 | Cách mạng xã hội | | | |
| 10 | Ý THỨC XÃ HỘI | a,b,c | 3 | 0 |
| 10.1 | Tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội | | | |
| 10.2 | Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội | | | |
| 11 | TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI | a,b,c | 4 | 0 |
| 11.1 | Con người và bản chất con người | | | |
| 11.2 | Hiện tượng tha hóa con người và giải phóng con người | | | |
| 11.3 | Quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|----|--|-------------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng - GV thuyết giảng một số nội dung của mỗi chủ đề. - SV nghe, ghi chép, thảo luận theo yêu cầu của GV - Yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi để trao đổi trong buổi học. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11 | a,b,c |
| 2 | Nêu vấn đề + Thuyết trình nhóm + Vấn đáp - Hướng dẫn SV tự nghiên cứu một số nội dung của các chủ đề (mục tiêu, yêu cầu kiến thức cần đạt được) - Giao chủ đề thuyết trình cho các nhóm chuẩn bị - Đánh giá nhóm thuyết trình về: nội dung, chất lượng trả lời các câu hỏi của các nhóm khác; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; tính sáng tạo. - Vấn đáp nội dung SV tự nghiên cứu - Tổng kết kiến thức nội dung SV tự nghiên cứu và nội dung kiến thức các nhóm thuyết trình | 2,3,4,5,6,7,8,9 | a,b,c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|---|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: - Chuyên cần - Kiểm tra - Hoạt động nhóm | a, b, c | 50% |
| 2 | Thi giữa kỳ | a,b,c | 20% |
| 3 | Thi cuối kỳ | a, b, c | 50% |

9. Tài liệu dạy học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-------------|----------------------------------|--------------|--------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Bộ GD và ĐT | Giáo trình Triết học Mác - Lênin | 2021 | Chính trị Quốc gia | Nhà sách | x | |

| | | | | | | | |
|---|--------------------------|----------------------------------|------|--------------------|-----------------------|---|---|
| 2 | Bộ GD và ĐT | Giáo trình Triết học Mác - Lênin | 2021 | Lao động | Thư viện Trường ĐHNT. | x | |
| 3 | Bộ môn Lý luận chính trị | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2021 | Lao động | Thư viện Trường | | X |
| 4 | Hội đồng Lý luận TW | Mác-Ăngghen toàn tập | 2000 | Chính trị Quốc gia | Thư viện Trường | | X |
| 5 | Hội đồng Lý luận TW | Lênin toàn tập | 2000 | Chính trị Quốc gia | Thư viện Trường | | X |

Ngày cập nhật: 26/02/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

Huel

Ng^o Văn Hạng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Huel

Ng^o Hải Pâm

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa KH Xã hội & Nhân văn
Bộ môn: Lý luận Chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊNIN**

- Tiếng Anh: **POLITICAL ECONOMICS OF MARXISM AND LENINISM**

Mã học phần: **POL309**

Số tín chỉ: **2(2 – 0)**

Đào tạo trình độ: **Đại học.**

Học phần tiên quyết: **Triết học Mác – Lênin**

2. Mô tả học phần:

Học phần kinh tế chính trị Mác – Lênin, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các học thuyết kinh tế chính trị của Chủ nghĩa Mác – Lênin, gắn với kinh tế thị trường ngày nay và những vấn đề kinh tế chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Nội dung học phần gồm: Chủ đề 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; Chủ đề 2: Sản xuất hàng hóa; Chủ đề 3: Thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Chủ đề 4: Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chủ đề 5: Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Chủ đề 6: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Chủ đề 7: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Chủ đề 8: Công nghiệp hoá, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin và Việt Nam hiện nay; có lập trường, bản lĩnh chính trị vững vàng; hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp, tự tin; có tính kỷ luật và trách nhiệm với công việc; định hướng đưa ra các quyết định cá nhân và tư duy phản biện để bảo vệ được các quan điểm đúng đắn của mình trước tập thể; tự lên kế hoạch học tập và làm việc độc lập, hiệu quả; kết hợp được các kỹ năng khác trong việc hợp tác, làm việc nhóm để giải quyết những vấn đề trong học tập và cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Học phần Kinh tế chính trị Mác – Lênin, giúp người học:

a) Có lập trường tương tư, bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin.

b) Vận dụng kiến thức kinh tế chính trị để phân tích, đánh giá các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội một cách có hiệu quả nhằm phục vụ cho việc học, trang bị kiến thức từ thực tiễn cho bản thân và tạo động lực khởi nghiệp từ lĩnh vực đang học tập.

c) Vận dụng kỹ năng giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn để rèn luyện kỹ năng thuyết trình, kỹ năng xử lý tình huống trong giao tiếp, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong quá trình học tập và trong công việc sau khi ra trường.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT Tổng quát

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | x | | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN 1.1 Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin 1.3 Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin | a | 2 | 0 |
| 2 | SẢN XUẤT HÀNG HÓA 2.1 Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hoá và hàng hoá 2.2 Tiền tệ 2.3 Dịch vụ và một số hàng hoá đặc biệt | a,b,c | 4 | 0 |
| 3 | THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 3.1 Thị trường 3.2 Vai trò của các chủ thể tham gia thị trường | a,b,c | 2 | 0 |
| 4 | GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 4.1 Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 4.2 Tuần hoàn tư bản 4.3 Tích lũy tư bản | a,b,c | 6 | 0 |
| 5 | CÁC HÌNH THỨC BIỂU HIỆN CỦA GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG(KTTT) 5.1 Chi phí sản xuất, lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận 5.2 Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong KTTT | a,b,c | 4 | 0 |

| | | | |
|---|--|-------|-----|
| | <ul style="list-style-type: none"> + Vấn đáp nội dung người học tự nghiên cứu + Tổng kết kiến thức nội dung người học tự nghiên cứu và nội dung kiến thức các nhóm thuyết trình <p>Yêu cầu đối với người học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thành các nội dung tự nghiên cứu, nội dung thuyết trình đúng hạn quy định. + Phải tiến hành làm việc nhóm để hoàn thành bài thuyết trình nhóm. | | |
| 3 | <p>Bài tập toán kinh tế áp dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng các bài tập toán làm ví dụ minh họa cho những nội dung kiến thức của chủ đề. + Giao bài tập theo chủ đề để người học về nhà hoàn thành + Sửa và chấm bài tập ở buổi học sau <p>Yêu cầu đối với người học: Nghiêm túc tự hoàn thành các bài tập, không được chép bài làm của nhau.</p> | 2,4,5 | b,c |

8. Đánh giá kết quả học tập

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|---|---------------|--------------|
| 1 | Dánh giá quá trình: | a,b,c | 50 |
| | + Chuyên cần: Điểm danh mỗi buổi học ; Tích cực xây dựng bài. | | 10 |
| | + Các bài thu hoạch sau mỗi chủ đề: Các bài tập toán kinh tế; trả lời các câu hỏi tự luận của nội dung tự nghiên cứu. | | 10 |
| | + Thuyết trình nhóm: Giao nội dung thuyết trình gắn nội dung kiến thức của chủ đề với vấn đề thực tiễn để nhóm về nhà chuẩn bị. | | 10 |
| | + Bài Kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận/ vấn đáp | | 20 |
| 2 | Thi cuối kỳ: Cung cấp đề cương ôn tập + Tổ chức ôn tập | a,b,c | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-------------|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | BỘ GD&ĐT | Giáo trình Kinh tế chính trị Mác – Lênin(Dành cho bậc Đại học – Không chuyên Lý luận chính trị) | 2021 | CTQG ST | Nhà sách/ Thư viện | X | |
| 2 | Tập thể tác | Giáo trình kinh tế | 2021 | Lao | Thư viện | X | X |

| | | | | |
|-----|---|-------|---|---|
| 6 | CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG | a,b,c | 2 | 0 |
| 6.1 | Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT | | | |
| 6.2 | Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền KTTT | | | |
| 7 | KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM | a,b,c | 4 | 0 |
| 7.1 | Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | | | |
| 7.2 | Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam | | | |
| 7.3 | Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam | | | |
| 8 | CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM | a,b,c | 6 | 0 |
| 8.1 | Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam | | | |
| 8.2 | Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam | | | |


7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|---|--------------------|---------------|
| 1 | <p>Thuyết giảng</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV thuyết giảng một số nội dung của mỗi chủ đề + Người học nghe, ghi chép, thảo luận theo yêu cầu của GV. <p>Nêu vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa ra một vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội thực tiễn gắn với chủ đề. + Người học tiến hành thảo luận nhóm, sau đó trình bày, tranh luận. + GV tổng kết, đánh giá. <p>Yêu cầu đối với người học: Phải nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi để trao đổi trong buổi học.</p> | 1,2,3,4,5,6,7,8 | a,b,c |
| 2 | <p>Thuyết trình nhóm + Vấn đáp</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn người học tự nghiên cứu một số nội dung của các chủ đề (mục tiêu, yêu cầu kiến thức cần đạt được) + Giao chủ đề thuyết trình cho các nhóm chuẩn bị + Đánh giá nhóm thuyết trình về: nội dung, chất lượng trả lời các câu hỏi của các nhóm khác; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; tính sáng tạo. | 2,3,4,5,6,7,8 | a,b,c |


| | | | | | | | |
|---|--|---|------|---------|----------|--|---|
| | già GV Bộ môn LLCT - Khoa KH XH & NV - Trường ĐHTT | chính trị Mác - Lênin(Dành cho bậc Đại học - Không chuyên Lý luận chính trị - Đào tạo theo tin chỉ) | | động | | | |
| 3 | Đảng Cộng sản Việt Nam | Văn kiện ĐH Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII. | 2021 | CTQG ST | Thư viện | | X |
| 4 | Đảng Cộng sản Việt Nam | Nghị quyết số 11 - NQ/TW ngày 03/6/2017 về "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa". | 2017 | CTQG ST | Thư viện | | X |

Ngày cập nhật: 26/02/2022.

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN


Đỗ Văn Đạo

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Hải Dũng

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
Bộ môn Lý luận Chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**
- Tiếng Anh: **SCIENTIFIC SOCIALISM**

Mã học phần: **POL308**

Số tín chỉ: **2 (2-0)**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Kinh tế chính trị học Mác - Lênin.**

2. Mô tả học phần

Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung của học phần bao gồm 7 chủ đề: (1) Nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; (2) Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; (3) Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ đi lên CNXH; (4) Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; (5) Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH; (6) Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH; (7) Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

3. Mục tiêu

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, những vấn đề về chính trị - xã hội thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Từ những kiến thức đó, người học biết vận dụng tri thức đã học vào việc đánh giá, nhận định những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Hình thành thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, tin tưởng vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của sự nghiệp đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã

lựa chọn. Ý thức được trách nhiệm, thực hiện nghĩa vụ công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

b. Vận dụng được kiến thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học để phân tích, lý giải đúng đắn những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam và giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

c. Hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng mềm cần thiết khác để học tập, làm việc, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc chuyên môn.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT Tổng quát

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | x | | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | | x | | | | | | | |

6. Nội dung

| TT | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC | a, b | 2 | 0 |
| 1.1 | Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học | | | |
| 1.2 | Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học | | | |
| 1.3 | Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học | | | |
| 2 | SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN | a, b, c | 6 | 0 |
| 2.1 | Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân | | | |
| 2.2 | Giai cấp công nhân và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay | | | |
| 2.3 | Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam | | | |
| 3 | CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | a, b, c | 4 | 0 |
| 3.1 | Chủ nghĩa xã hội | | | |
| 3.2 | Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 3.3 | Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | |
| 4 | DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA | a, b, c | 4 | 0 |
| 4.1 | Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa | | | |
| 4.2 | Nhà nước xã hội chủ nghĩa | | | |

| | | | | |
|-----|---|---------|---|---|
| 4.3 | Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | | | |
| 5 | CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | a, b, c | 4 | 0 |
| 5.1 | Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 5.2 | Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 5.3 | Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | |
| 6 | VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | a, b, c | 6 | 0 |
| 6.1 | Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 6.2 | Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 6.3 | Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam | | | |
| 7 | VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỶ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI | a, b, c | 4 | 0 |
| 7.1 | Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình | | | |
| 7.2 | Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |
| 7.3 | Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | | | |

7. Phương pháp dạy học

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|---------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng + Giảng viên thuyết giảng một số nội dung trọng tâm của chủ đề. + Người học nghe giảng, ghi chép và thảo luận theo yêu cầu của giảng viên. + Yêu cầu người học nghiên cứu trước tài liệu và chuẩn bị các câu hỏi để trao đổi trong buổi học. | 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 | a, b, c |
| 2 | Nêu vấn đề + Thuyết trình nhóm + Vấn đáp + Hướng dẫn người học tự nghiên cứu một số nội dung của chủ đề. + Giảng viên giao cho các nhóm chuẩn bị nội dung bài thuyết trình. + Người học thực hiện thuyết trình và giảng viên tổ chức thảo luận theo nhóm. + Giảng viên đặt câu hỏi và yêu cầu người học trả lời. + Tổng kết, đánh giá nội dung bài thuyết trình, thảo luận nhóm và hoạt động tự học của người học. | 2, 3, 4, 6, 7 | a, b, c |

8. Đánh giá kết quả học tập

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|------------------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình - Chuyên cần | a,b,c 10% | 50 |

| | | | |
|---|--------------------------------|------------|----|
| | - Kiểm tra - Hoạt động nhóm | 20% 20% | |
| 2 | Thi cuối kỳ | a,b,c | 50 |

9. Tài liệu dạy học

| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|----|-----------------------------------|--|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Bộ GD & Đào tạo | Giáo trình CNXHKKH. | 2021 | CTQG | Nhà sách | x | |
| 2 | Bộ môn Lý luận Chính trị | Giáo trình CNXHKKH. | 2021 | Lao động | Thư viện ĐHNT | x | |
| 3 | Hội đồng Lý luận Trung ương | Giáo trình CNXHKKH. | 2018 | CTQG | Nhà sách | | x |
| 4 | Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương | Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc của ĐCSVN. | 2002 | CTQG | Nhà sách | | x |
| 6 | Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương | Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của ĐCSVN. | 2002 | CTQG | Nhà sách | | x |
| 7 | Đảng CS Việt Nam | Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. | 2021 | CTQG | Thư viện ĐHNT | | x |
| 8 | Đảng CS Việt Nam | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). | 2011 | CTQG | Thư viện ĐHNT | | x |

Ngày cập nhật: 26/02/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN


Trần Thị Tân

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Hữu Dũng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khoa Khoa học xã hội và nhân văn

Bộ môn Lý luận Chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHNT, ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH
- Tiếng Anh: HO CHI MINH'S THOUGHT

Mã học phần: POL333

Số tín chỉ: 2 (2-0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh giúp người học đạt được năng lực về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trên cơ sở kiến thức nền tảng học phần cung cấp; đặc biệt là giúp người học có thể tiếp thu, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào trong cuộc sống và học tập. Nội dung của học phần bao gồm 9 chủ đề: Chủ đề 1: Nhập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ đề 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Chủ đề 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc; Chủ đề 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; Chủ đề 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Chủ đề 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Chủ đề 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Chủ đề 8: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Chủ đề 9: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người.

3. Mục tiêu:

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh, hiểu được những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. Từ đó, giúp người học thấy được trách nhiệm của bản thân trong học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a. Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh với Đảng và dân tộc Việt Nam.

b. Vận dụng được những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề đặt ra hoạt động thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

c. Hình thành cho người học khả năng tư duy độc lập, kỹ năng tự nghiên cứu và hoạt động nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và những kỹ năng khác vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT tổng quát:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | x | | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | NHẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH | b, c | 2 | 0 |
| 1.1 | Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu | | | |
| 1.2 | Phương pháp nghiên cứu | | | |
| 1.3 | Ý nghĩa của việc học tập đối với sinh viên | | | |
| 2 | CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH | a, b, c | 4 | 0 |
| 2.1 | Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh | | | |
| 2.2 | Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | | | |
| 2.3 | Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh | | | |
| 3 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC | a, b, c | 4 | 0 |
| 3.1 | Vấn đề dân tộc thuộc địa | | | |
| 3.2 | Về cách mạng giải phóng dân tộc | | | |
| 4 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM | a, b, c | 4 | 0 |
| 4.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội | | | |
| 4.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | |
| 4.3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | | | |
| 5 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM | a, b, c | 4 | 0 |
| 5.1 | Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam | | | |
| 5.2 | Đảng phải trong sạch, vững mạnh | | | |

| | | | | |
|-----|---|---------|---|---|
| 6 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC VÀ ĐOÀN KẾT QUỐC TẾ | a, b, c | 4 | 0 |
| 6.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc | | | |
| 6.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế | | | |
| 7 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC CỦA NHÂN DÂN, DO NHÂN DÂN, VÌ NHÂN DÂN | a, b, c | 2 | 0 |
| 7.1 | Nhà nước dân chủ | | | |
| 7.2 | Nhà nước pháp quyền | | | |
| 7.3 | Nhà nước trong sạch, vững mạnh | | | |
| 8 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẠO ĐỨC | a, b, c | 2 | 0 |
| 8.1 | Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội | | | |
| 8.2 | Những chuẩn mực đạo đức cách mạng | | | |
| 8.3 | Quan điểm về các nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng | | | |
| 9 | TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, CON NGƯỜI | a, b, c | 4 | 0 |
| 9.1 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá | | | |
| 9.2 | Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng + GV thuyết giảng một số nội dung của mỗi chủ đề. + SV nghe, ghi chép, thảo luận theo yêu cầu của GV. + Yêu cầu sinh viên nghiên cứu trước tài liệu, chuẩn bị các câu hỏi để trao đổi trong buổi học. | 1,2,3,4,5,6,7,8,9 | a,b,c |
| 2 | Nêu vấn đề + Thuyết trình nhóm + Vấn đáp + Hướng dẫn SV tự nghiên cứu một số nội dung của các chủ đề (mục tiêu, yêu cầu kiến thức cần đạt được) + Giao chủ đề thuyết trình cho các nhóm chuẩn bị + Đánh giá nhóm thuyết trình về: nội dung, chất lượng trả lời các câu hỏi của các nhóm khác; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm; tính sáng tạo. + Vấn đáp nội dung SV tự nghiên cứu + Tổng kết kiến thức nội dung SV tự nghiên cứu và nội dung kiến thức các nhóm thuyết trình | 3,4,5,6,7,8,9 | a,b,c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|---|-------------------|--------------------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: - Chuyên cần - Kiểm tra - Hoạt động nhóm | a, b, c | 50% 10% 20% 20% |
| 2 | Thi giữa kỳ | KHÔNG TỔ CHỨC THI | |
| 2 | Thi cuối kỳ | a, b, c | 50% |

9. Tài liệu dạy và học:

| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|----|--|---|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2021 | CTQG | Nhà sách | x | |
| 2. | Trường Đại học Nha Trang - Bộ môn Lý luận chính trị | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2021 | Lao động | Thư viện Trường | x | |
| 3. | Ban nghiên cứu LSD Trung ương | Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tiểu sử và sự nghiệp | 2002 | CTQG | Thư viện Trường | | x |
| 4. | Bảo tàng Hồ Chí Minh | Những tên gọi, bí danh, bút danh của Chủ tịch Hồ Chí Minh | 2003 | CTQG | Thư viện Trường | | x |
| 5. | Hồ Chí Minh | Toàn tập (12 tập) | 1997 | CTQG | Thư viện Trường | | x |

Ngày cập nhật: 17/12/2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

TRƯỞNG BỘ MÔN


Lieu Mai Hoa.


Ng' Hieu Tran

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khoa: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Bộ môn: Lý luận chính trị

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT, ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**
- Tiếng Anh: **Communism History**

Mã học phần: **POL310**

Số tín chỉ: **2 (2-0)**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng, về quá trình Đảng lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN. Nội dung học phần gồm 7 Chủ đề: Chủ đề 1: Nhập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Chủ đề 2: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Chủ đề 3: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chủ đề 4: Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945-1954); Chủ đề 5: Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ cứu nước thống nhất Tổ quốc (1954-1975); Chủ đề 6: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1985); Chủ đề 7: Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2021).

3. Mục tiêu:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Học phần bồi dưỡng niềm tin cho người học vào sự lãnh đạo của Đảng, định hướng phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học:

a) Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, biết vận dụng đường lối của Đảng trong việc đặt mục tiêu phấn đấu và lý tưởng sống của bản thân.

b) Vận dụng đường lối, chính sách, bài học kinh nghiệm của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử vào thực tiễn công việc và cuộc sống để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển bản thân.

c) Hình thành kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng tự nghiên cứu và hoạt động nhóm, kỹ năng thuyết trình một vấn đề và những kỹ năng mềm khác để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống và công việc.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT tổng quát:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | x | | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Nhập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | a | 2 | 0 |
| 1.1 | Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu | | | |
| 1.2 | Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập | | | |
| 2 | Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | a, b, c | 6 | 0 |
| 2.1 | Hoàn cảnh thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX | | | |
| 2.2 | Hoàn cảnh Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX | | | |
| 2.3 | Hội nghị thành lập ĐCSVN | | | |
| 2.4 | Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | | | |
| 2.5 | Ý nghĩa sự ra đời của Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng | | | |
| 3 | Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) | a, b, c | 4 | 0 |
| 3.1 | Luận cương chính trị 10-1930 | | | |
| 3.2 | Sự chuyển hướng chiến lược của Đảng (1939-1945) | | | |
| 3.3 | Chủ trương phát động khởi nghĩa giành chính quyền | | | |
| 3.4 | Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám. | | | |
| 4 | Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) | a, b, c | 4 | 0 |
| 4.1 | Hoàn cảnh Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 | | | |
| 4.2 | Đường lối kháng chiến chống Pháp | | | |
| 4.3 | Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Pháp | | | |
| 5 | Đảng lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954 - 1975) | a, b, c | 4 | 0 |
| 5.1 | Hoàn cảnh Việt Nam sau tháng 7-1954 | | | |
| | Đường lối kháng chiến chống Mỹ | | | |

| | | | | |
|-----|--|---------|---|---|
| 5.2 | Ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ | | | |
| 6 | Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và bảo vệ tổ quốc (1975-1985) | a, b, c | 4 | 0 |
| 6.1 | Xây dựng CNXH và bảo vệ tổ quốc (1975-1981) | | | |
| 6.2 | Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1985) | | | |
| 7 | Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2021) | a, b, c | 6 | 0 |
| 7.1 | Đổi mới toàn diện đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội (1986-1996) | | | |
| 7.2 | Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2021) | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng: -GV thuyết giảng theo nội dung hoặc chủ đề. -Người học nghe giảng, ghi chép và thảo luận theo yêu cầu của GV. | 1 | a, b |
| 2 | Nêu vấn đề: -GV xây dựng “vấn đề” có liên quan đến nội dung dạy học. -Người học được giao giải đáp “vấn đề” trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm. | 2,3,4,5,6,7 | a, b, c |
| 3 | Thảo luận nhóm -GV tổ chức lớp học theo nhóm và chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. -Mỗi nhóm nhận một nhiệm vụ học tập và cùng hợp tác để thực hiện. | 2,3,4,5,6,7 | a, b, c |
| 4 | Phim tư liệu: -GV chuẩn bị phim tư liệu có liên quan đến học phần và hệ thống các câu hỏi. -Người học xem phim, sau đó trả lời các câu hỏi trên cơ sở cá nhân hoặc nhóm. | 2,3,4,5,6,7 | a, b, c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: - Chuyên cần: 10% - Kiểm tra: 20% - Hoạt động nhóm: 20% | a, b, c | 50 |

| | | | |
|---|-------------|-------------------|----|
| 2 | Thi giữa kỳ | Không tổ chức thi | 0 |
| 3 | Thi cuối kỳ | a, b, c | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

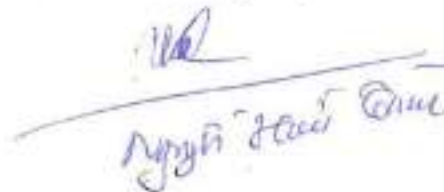
| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|--|------------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Bộ GD & ĐT | Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN | 2021 | CTQG | Thư viện ĐHNT | x | |
| 2 | Trường ĐHNT - Bộ môn Lý luận Chính trị | Giáo trình Lịch sử Đảng CSVN | 2021 | Lao Động | Thư viện ĐHNT | x | |
| 3 | ĐCSVN | Văn kiện Đảng toàn tập | 2013 | CTQG | Thư viện ĐHNT | | x |
| 4 | ĐCSVN | Văn kiện Đại hội XII | 2016 | CTQG | Thư viện ĐHNT | | x |
| 5 | ĐCSVN | Văn kiện Đại hội XIII | 2021 | CTQG | Thư viện ĐHNT | | x |

Ngày cập nhật: 25/2/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN


Trương Thị Xuân

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Hoài Thương

BAN CHỦ NHIỆM CTDĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa Khoa học xã hội và nhân văn
Bộ môn: Luật

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHNT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**
- Tiếng Anh: **FUNDAMENTALS OF LAW**

Mã học phần: SSH313.

Số tín chỉ: 2 (2-0).

Đào tạo trình độ: Cao đẳng, Đại học.

Học phần tiên quyết: Không.

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về: Nhà nước và Pháp luật; quy phạm pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật; hiện tượng vi phạm pháp luật và biện pháp cưỡng chế đối với các chủ thể vi phạm pháp luật; nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng ở Việt Nam hiện nay như: Luật Hiến pháp, Luật Hình sự, Vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật kinh doanh thương mại, Luật lao động.

3. Mục tiêu:

Giúp người học có được nền tảng kiến thức pháp lý; có khả năng tìm kiếm các nguồn văn bản quy phạm pháp luật cần thiết, sử dụng các kiến thức pháp luật được học và tự học để giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong cuộc sống và công việc; đồng thời, giúp người học có được phương pháp và kỹ năng trong việc học các học phần liên quan đến pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành của người học; nâng cao ý thức pháp luật, ý thức công dân, sống và làm việc theo pháp luật, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- a) Trình bày được các khái niệm, thuật ngữ pháp lý, kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật.
- b) Phân biệt được văn bản quy phạm pháp luật với văn bản cá biệt; phân tích được các bộ phận của quy phạm pháp luật trong các văn bản quy quy phạm pháp luật cần thiết để thực hiện đúng các yêu cầu của pháp luật.
- c) Phân biệt tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi xảy ra trong cuộc sống hằng ngày; tôn trọng và chấp hành pháp luật.
- d) Phân tích và vận dụng được các quy định của Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính, Luật phòng, chống tham nhũng, Luật hôn nhân và gia đình, Luật kinh doanh thương mại và Luật lao động để giải quyết tình huống pháp lý trong cuộc sống và công việc.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT của tất cả các ngành

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| a | x | x | | | | | | | | |
| b | x | x | | | | | | | | |
| c | x | x | | | | | | | | |
| d | x | x | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1 Nguồn gốc ra đời của Nhà nước 1.2 Bản chất, đặc trưng của nhà nước 1.3 Chức năng của nhà nước | a | 2 | 0 |
| 2 | NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1 Nguồn gốc ra đời của Pháp luật 2.2 Bản chất, đặc trưng, chức năng của pháp luật 2.3 Quy phạm pháp luật – văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay 2.4 Quan hệ pháp luật 2.5 Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý | a, b, c | 6 | 0 |
| 3 | LUẬT HIẾN PHÁP 3.1 Chế độ chính trị 3.2 Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân 3.3 Chế độ kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ và môi trường 3.4 Bảo vệ tổ quốc 3.5 Tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước | a, c, d | 2 | 0 |
| 4 | LUẬT HÌNH SỰ 4.1 Khái niệm, đặc điểm, phân loại tội phạm 4.2 Cấu thành tội phạm 4.3 Một số chế định khác của Luật Hình sự 4.4 Hình phạt | a, c, d | 2 | 0 |
| 5 | VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH 5.1 Khái niệm, đặc điểm của vi phạm hành chính 5.2 Nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính. 5.3 Đối tượng bị xử lý VPHC 5.4 Thời hiệu xử lý vi VPHC 5.5 Các biện pháp xử lý VPHC | a, c, d | 2 | 0 |
| 6 | LUẬT PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG 6.1 Khái niệm, đặc điểm tham nhũng 6.2 Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 6.3 Vai trò của công tác phòng chống tham nhũng 6.4 Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng | a, c, d | 2 | 0 |

| | | | | |
|------|--|---------|---|---|
| 7 | LUẬT DÂN SỰ | | 8 | 0 |
| 7.1 | Tài sản và quyền sở hữu | a, c, d | | |
| 7.2 | Nghĩa vụ dân sự và các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự | | | |
| 7.3 | Hợp đồng | | | |
| 7.4 | Thừa kế | | | |
| 8 | LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH | a, c, d | 2 | 0 |
| 8.1 | Kết hôn | | | |
| 8.2 | Chấm dứt hôn nhân | | | |
| 8.3 | Nuôi con nuôi | | | |
| 9 | LUẬT KINH DOANH THƯƠNG MẠI | a, c, d | 2 | 0 |
| 9.1 | Chủ thể kinh doanh | | | |
| 9.2 | Chấm dứt hoạt động của các chủ thể kinh doanh | | | |
| 9.3 | Các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại | | | |
| 10 | LUẬT LAO ĐỘNG | a, c, d | 2 | 0 |
| 10.1 | Hợp đồng lao động | | | |
| 10.2 | Tiền lương | | | |
| 10.3 | Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi | | | |
| 10.4 | Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|---|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng; thảo luận. | 1,3 | a,d |
| 2 | Thuyết giảng; thảo luận; nêu vấn đề. | 2 | a, b, c |
| 3 | Thuyết giảng; Tổ chức học tập theo nhóm; thảo luận; nêu vấn đề; nghiên cứu tình huống; sắm vai. | 4,7,8,9,10 | a, c, d |
| 4 | Thuyết giảng; thảo luận; nêu vấn đề; nghiên cứu tình huống. | 5,6 | a, c, d |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--------------------|---------------|-------------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c, d | 50 |
| 2 | Thi giữa kỳ | | không tổ chức thi |
| 3 | Thi cuối kỳ | a, b, c, d | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---|--------------------------------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Lê Việt Phương – Nguyễn Thị Lan – Nguyễn Thị Hà Trang- Lê Hoàng Phương Thủy | Tài liệu học tập Pháp luật Đại cương | 2020 | Thư viện Trường Đại học Nha Trang | Thư viện | x | |

| | | | | | | | |
|----|---------------------------------|--|-----------------------|------|--------------------------------|---|---|
| 2 | Nguyễn Thị Lan- Lê Việt Phương, | Bài giảng Pháp luật đại cương – Theo học chế tín chỉ (lưu hành nội bộ) | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | x | |
| 3 | Lê Hoàng Phương Thủy | Bài giảng Pháp luật đại cương | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | x |
| 4 | Nguyễn Thị Hà Trang | Bài giảng Pháp luật đại cương | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | x |
| 5 | Trần Thị Mai | Bài giảng Pháp luật đại cương | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | x |
| 6 | Nguyễn Huyền Cát Anh | Bài giảng Pháp luật đại cương | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | x |
| 7 | Quốc Hội | Hiến pháp | 2013 | CTQG | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | x |
| 8 | Quốc Hội | Bộ luật Hình sự | 2015 sửa đổi năm 2017 | CTQG | Thư viện | | x |
| 9 | Quốc Hội | Bộ luật Dân sự | 2015 | CTQG | Thư viện | | x |
| 10 | Quốc Hội | Luật Hôn nhân và gia đình | 2014 | CTQG | Thư viện | | x |
| 11 | Quốc Hội | Luật Doanh nghiệp | 2020 | CTQG | Thư viện | | x |
| 12 | Quốc Hội | Bộ luật lao động | 2021 | CTQG | Thư viện | | x |
| 13 | Quốc Hội | Luật Phòng chống tham nhũng | 2018 | | Thư viện | | x |
| 14 | Quốc Hội | Luật nuôi con nuôi | 2010 | | Thư viện | | x |
| 15 | Quốc Hội | Luật hộ tịch | 2016 | | Thư viện | | x |

Ngày cập nhật: 26/02/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Nguyễn Thị Lan

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Lan

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TIỂU BAN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **TƯ DUY PHẢN BIỆN** (1)

- Tiếng Việt: Tư duy phản biện
- Tiếng Anh: Critical Thinking

Mã học phần: (2) Số tín chỉ: 3 (3)

Đào tạo trình độ: Đại học (4)

Học phần tiên quyết: Triết học, Ngôn ngữ học thuật (5)

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về tư duy phản biện bao gồm các đặc trưng của tư duy phản biện, phương pháp xác định, phân tích, đánh giá một luận điểm đã cho, phát hiện các sai lầm của một luận điểm, đánh giá độ tin cậy của nguồn chứng cứ và trình tự xây dựng luận điểm một cách vững chắc, hợp lý và tin cậy. (6)

3. Mục tiêu: (7)

Cung cấp các kiến thức, phương pháp và kỹ năng để sinh viên có khả năng phân tích, nhận định, đánh giá các luận điểm; có khả năng phát hiện ra các sai lầm trong một luận điểm; biết cách xây dựng một luận điểm đúng cách với suy luận logic và các chứng cứ đáng tin cậy; làm nền tảng cho việc tiếp thu các môn học ở đại học thuận lợi hơn, nâng cao năng lực tư duy độc lập khi làm việc sau này.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể: (8)

- Mô tả được các đặc trưng của tư duy phản biện và quan hệ giữa nhận thức - tư duy - ngôn ngữ
- Nhận biết và phân tích được một luận điểm
- Có khả năng suy luận logic, phát hiện được các nguy cơ logic và các rào cản tâm lý đối với tư duy phản biện
- Đánh giá được giá trị của các nguồn tin (luận chứng, luận cứ) làm cơ sở cho một luận điểm.
- Đánh giá và chấp nhận hoặc bác bỏ một luận điểm
- Xây dựng được luận điểm có cơ sở vững chắc và thuyết phục.

5. Nội dung: (9)

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Các khái niệm cơ bản về tư duy phản biện | | 6 | |
| | 1.1. Khái niệm về tư duy phản biện 1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện 1.3. Các lợi ích của tư duy phản biện 1.4. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy | a | 6 | |
| 2 | Cách nhận biết và phân tích một luận điểm (argument) | | 6 | |
| | 2.1. Khái niệm luận điểm và cách nhận biết một luận điểm 2.2. Xác định tiền đề và kết luận 2.3. Phân tích một luận điểm ngắn bằng sơ đồ 2.4. Phân tích một luận điểm dài bằng tóm tắt 2.6. Bài tập: nhận biết một luận điểm, phân tích một luận điểm | b | 3(3) | |

| | | | |
|---|---|---|------|
| 3 | Các khái niệm căn bản về logic | | 6 |
| | 3.1. Đại cương về logic mệnh đề 3.2. Suy luận diễn dịch và suy luận quy nạp 3.3. Các luận điểm dựa trên suy luận diễn dịch và suy luận qui nạp 3.4. Bài tập về logic | c | 3(3) |
| 4 | Nhận biết các nguy biện logic (logic fallacies) | | 6 |
| | 4.1. Nguy biện là gì 4.2. Nguy biện về sự liên quan của tiền đề 4.3. Nguy biện về suy luận và thiếu chứng cứ 4.4. Bài tập: Tìm kiếm và đánh giá các nguy biện | e | 3(3) |
| 5 | Tìm kiếm, đánh giá và sử dụng các nguồn thông tin (làm luận cứ và luận chứng) | | 6 |
| | 5.1. Cách tìm nguồn thông tin. 5.2. Đánh giá nguồn thông tin. 5.3. Thu thập, phân loại, ghi chú và diễn giải các thông tin. 5.4. Bài tập: Tìm kiếm và đánh giá nguồn tin | d | 3(3) |
| 6 | Đánh giá một luận điểm | | 6 |
| | 6.1. Các yêu cầu của một luận điểm tốt 6.2. Đánh giá một tiền đề, suy luận logic và chứng cứ 6.3. Bác bỏ một luận điểm 5.4. Bài tập: Trình bày và tranh luận về một luận điểm | e | 3(3) |
| 7 | Xây dựng một luận điểm và tự phản biện | | 9 |
| | 7.1. Xem xét tình huống phát sinh luận điểm 7.2. Cấu trúc một tuyên bố (Claim) 7.3. Áp dụng các suy luận logic 7.4. Thu thập chứng cứ (Evidence) 7.5. Xem xét các ý kiến đối lập có thể (tự phản biện) 7.6. Cách viết một tiểu luận trình bày luận điểm Bài tập lớn: Viết một tiểu luận trình bày luận điểm và thuyết trình | f | 4(5) |

6. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | x | | | | | | | |
| f | | x | x | | | | | | | |

7. Tài liệu dạy và học: (11)

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---|--|---------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nhóm biên soạn | Bài giảng học phần Tư duy phản biện | | | Giảng viên | x | |
| 2 | Gregory Bassham William Irwin Henry Nardone James M. Wallace | Critical thinking: A students introduction | 2013 5th edition | Mc Graw Hill | Thư viện | x | |
| 3 | Stella Cottrell | Critical Thinking Skills: Developing Effective Analysis and Argument | 2005 | Palgrave Macmillan | Thư viện | | x |
| 4 | Richard Paul, Linda Elder | Critical thinking: Concepts and Tools Bản dịch tiếng Việt: Tư duy phản biện: Khái niệm và công cụ | 2015 | NXB tổng hợp Tp Hồ Chí Minh | Thư viện | | x |
| 5 | Lewis Vaughn | The Power of Critical Thinking: Effective Reasoning about Ordinary and Extraordinary Claims, | 2018 6th Edition | Oxford University Press | Thư viện | | x |

8. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt CLOs: (12)

| CDR HP (CLOs) | Phương pháp dạy học | Phương pháp kiểm tra, đánh giá |
|---------------|--|--|
| a | Thuyết giảng, cho ví dụ minh họa, làm bài tập trên lớp | Bài tập về nhà, nộp qua elearning |
| b | Thuyết giảng, cho ví dụ minh họa, làm bài tập theo nhóm và thảo luận tại lớp. | Bài tập nhóm, nộp bài qua elearning |
| c | Thuyết giảng, cho ví dụ minh họa, làm bài tập | Bài tập về nhà, nộp qua elearning |
| d | Thuyết giảng, cho ví dụ minh họa, làm bài tập | Bài tập về nhà, nộp qua elearning |
| e | Thuyết giảng, cho ví dụ minh họa, làm bài tập theo nhóm và thảo luận tại lớp. | Bài tập nhóm, nộp bài qua elearning |
| f | Diễn giảng, hướng dẫn kỹ thuật viết, ví dụ minh họa, viết tiểu luận và trình bày | Trình bày tiểu luận theo nhóm và thảo luận tại lớp |
| | | |

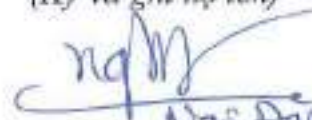
9. Đánh giá kết quả học tập: (13)

| STT | Hình thức đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|---|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân (bài tập, kiểm tra) | a,b,c,d,e,f | 20% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm (tiểu luận, thuyết trình) | d,e,f | 20% |
| | Chuyên cần | a,b,c,d,e,f | 10% |
| 2 | Đánh giá cuối kỳ (Thi) | a,b,c,d,e,f | 50% |

Ngày cập nhật: 28/8/2021

NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi họ tên)


Ngô Đăng Nghĩa

Ngô Đăng Nghĩa, Lê Thị Thanh Nga, Nguyễn Thị Kim Anh,
Vương Vĩnh Hiệp, Hồ Huy Tựu, Huỳnh Nguyễn Duy Bảo, Tô Văn Phương


PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Ký và ghi họ tên)


Phạm Thanh Nhật

TIÊU BAN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

(Ký và ghi họ tên)


Ngô Đăng Nghĩa



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TIÊU BAN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **NGÔN NGỮ HỌC THUẬT**

- Tiếng Việt: Ngôn ngữ học thuật
- Tiếng Anh: Academic Language

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về ngôn ngữ học thuật và văn bản học thuật (*academic text*); hệ thống công cụ, phương pháp tiếp nhận, tạo lập - trình bày văn bản học thuật trong học tập, nghiên cứu khoa học ở 4 hoạt động: nghe, nói; đọc, viết.

3. Mục tiêu:

Nhằm nâng cao kiến thức về ngôn ngữ học thuật và văn bản học thuật ở SV; phát triển và hoàn thiện năng lực sử dụng ngôn ngữ học thuật cho SV ở cả 4 hoạt động: nghe hiểu, đọc hiểu, viết và thuyết trình trong quá trình học đại học và hoạt động nghề nghiệp.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- Nhận diện được các đặc trưng, chức năng của ngôn ngữ học thuật.
- Phân biệt được các loại văn bản học thuật (*types of academic texts*); giải thích được các yêu cầu về cấu trúc, hình thức, nội dung, tính liên chính của các loại văn bản học thuật.
- Tra cứu, tham khảo đúng nguồn tài liệu học thuật uy tín; trích dẫn, trình bày tài liệu tham khảo đúng quy định.
- Ghi chú, ghi chép, nhớ, hiểu, tóm tắt, tổng thuật được các văn bản học thuật được tiếp nhận.
- Tạo lập - trình bày văn bản khoa học một cách logic, ngắn gọn, mạch lạc, đúng yêu cầu; đảm bảo tính liên chính học thuật.

5. Nội dung:

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Chương 1. Tổng quan về Ngôn ngữ học thuật và văn bản học thuật (<i>An Overview of Academic language and Academic text</i>) | a,b | 5 | 0 |
| | 1.1. Tổng quan về Ngôn ngữ học thuật - Khái niệm ngôn ngữ học thuật - Đặc trưng của ngôn ngữ học thuật - Chức năng của ngôn ngữ học thuật 1.2. Tổng quan về Văn bản học thuật - Khái niệm văn bản học thuật - Phân loại văn bản học thuật - Cấu trúc cơ bản của một văn bản học thuật | | | |

| | | | | |
|---|--|-----|---|---|
| | - Đặc điểm ngôn ngữ của văn bản học thuật - Yêu cầu về hình thức, nội dung, tính liên chính của văn bản học thuật | | | |
| 2 | Chương 2. Nghe hiểu học thuật (Academic listening comprehension) - Đặc điểm của quá trình nghe hiểu học thuật - Đặc điểm của văn bản học thuật được tạo lập - trình bày để nghe hiểu - Kỹ thuật nghe hiểu học thuật: ghi chú, ghi chép, tóm tắt - Các vấn đề SV thường gặp khi nghe hiểu học thuật và giải pháp | c,d | 2 | 3 |
| | Chương 3. Đọc hiểu học thuật (Academic reading comprehension) - Đặc điểm của quá trình đọc hiểu học thuật - Đặc điểm của văn bản học thuật được tạo lập - trình bày để đọc hiểu - Kỹ thuật đọc hiểu học thuật: ghi chú, tóm tắt, tổng thuật - Các vấn đề SV thường gặp khi đọc hiểu học thuật và giải pháp | c,d | 2 | 3 |
| 4 | Chương 4. Viết học thuật (Academic writing) - Cách dùng từ ngữ học thuật (academic words) và thuật ngữ (terms) - Kỹ thuật viết câu văn học thuật (academic sentence) - Kỹ thuật viết đoạn văn học thuật (academic paragraph) - Kỹ thuật viết tiểu luận (essay) - Vấn đề chính tả và kỹ thuật trình bày văn bản học thuật - Cách trích dẫn, trình bày tài liệu tham khảo | c,e | 3 | 5 |
| | Chương 5. Thuyết trình học thuật (Academic oral presentation) - Đặc điểm của quá trình thuyết trình học thuật - Cách xây dựng một bài thuyết trình học thuật - Kỹ thuật trình bày một bài thuyết trình học thuật - Phương pháp trao đổi với người nghe trong và sau thuyết trình | c,e | 3 | 4 |

6. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | x | | | | | | | |

7. Tài liệu dạy và học:

| ST T | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|---------|-------------------------|--|--------------------|------------------------|-------------------------------------|----------------------|------------------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tha m khảo |
| 1 | Nhóm GV biên soạn | Bài giảng học phần Ngôn ngữ học thuật | 2021 | | GV | x | |
| 2 | Alice Oshima, Ann Hogue | Introduction to Academic Writing (third edition) | 2007 | Pearson Education, Inc | GV | | x |

| | | | | | | | |
|---|---|---|------|------------|---------|--|---|
| 3 | Đinh Trọng Lạc (cb) Nguyễn Thái Hòa | Phong cách học tiếng Việt | 2020 | Giáo dục | GV | | x |
| 4 | Karolina Kotorowicz-Jasinska | Improving Academic Listening and Note-taking Skills | 2020 | Peter Lang | GV | | x |
| 5 | Nguyễn Minh thuyết (cb), Nguyễn Văn Hiệp | Tiếng Việt thực hành | 2000 | ĐHQG HN | GV | | x |
| 6 | X.J.Kennedy, Dorothy M.Kennedy, Marcia F.Muth | The Bedford Guide for College Writers | 2008 | | TVĐHN T | | x |

8. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt CLOs:

| CĐR HP (CLOs) | Phương pháp dạy học | Phương pháp kiểm tra, đánh giá |
|---------------|---|--|
| a | Thuyết giảng, thảo luận, làm bài tập | Bài tập cá nhân, nộp qua elearning |
| b | Thuyết giảng, thảo luận, làm bài tập | Bài tập cá nhân, nộp qua NTU E-learning |
| c | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành nhóm | Bài tập cá nhân/nhóm, nộp qua NTU E-learning |
| d | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành nhóm | Bài tập cá nhân/nhóm, nộp qua NTU E-learning |
| e | Thuyết giảng, thảo luận, thực hành nhóm | Bài tập cá nhân/nhóm, nộp qua NTU E-learning |

9. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hình thức đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|---|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c,d,e | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân (bài tập, kiểm tra) | a,b,c,d,e | 30% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm (bài tập, thuyết trình) | c,d,e | 20% |
| 3 | Thi cuối kỳ (Tiểu luận) | a,b,c,d,e | 50% |

Ngày cập nhật: 5/9/2021

NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi họ tên)


Lê Thị Thanh Nga

Lê Thị Thanh Nga, Ngô Đăng Nghĩa, Nguyễn Thị Kim Anh, Võ Nguyễn Hồng Lam, Phạm Thanh Nhứt, Trần Trọng Đạo, Trần Thị Việt Hoài, Huỳnh Phương Duyên

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

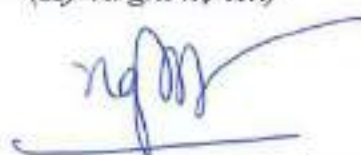
(Ký và ghi họ tên)



Phạm Thanh Nhứt

TIỂU BAN GIÁO DỤC TỔNG QUÁT

(Ký và ghi họ tên)



Ngô Đăng Nghĩa



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
 Khoa/Viện: Khoa học Xã hội & Nhân văn
 Bộ môn: Khoa học Xã hội & Nhân văn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHNT ngày tháng năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **VĂN HOÁ VIỆT NAM**

- Tiếng Việt: Văn hoá Việt Nam
- Tiếng Anh: Vietnamese Culture

Mã học phần: **SSH380**

Số tín chỉ: **02**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: (1) khái niệm văn hóa và các khái niệm liên quan, đặc trưng, chức năng, vai trò của văn hoá trong đời sống xã hội; tiến trình, định vị và phân vùng văn hóa Việt Nam; (2) các đặc trưng văn hóa Việt Nam trong nhận thức, tổ chức đời sống cộng đồng, ứng xử môi trường tự nhiên và xã hội; (3) quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa; ứng xử trong môi trường đa dạng văn hóa hiện nay.

3. Mục tiêu:

Giúp sinh viên nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam, từ đó hoàn thiện tâm hồn, nhân cách, xây dựng lối sống lành mạnh tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của bản thân và xã hội. Sinh viên có ý thức giữ gìn, phát huy những tinh hoa văn hóa dân tộc, có bản lĩnh vững vàng khi giao lưu tiếp biến văn hóa; có ứng xử linh hoạt, phù hợp trong môi trường đa dạng văn hóa.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Trình bày được khái niệm văn hóa và các khái niệm liên quan (văn minh, văn hiến, văn vật); các đặc trưng và chức năng của văn hóa, cấu trúc của hệ thống văn hóa. Nhận diện được nền văn hóa Việt Nam về mặt chủ thể, không gian và thời gian.

b) Nhận thức được nguồn gốc, bản chất và các quy luật của triết lý âm dương và hướng phát triển của triết lý này. Hiểu được con người là tiêu vũ trụ mang đầy đủ các đặc điểm giống như đại vũ trụ. Nhận biết được sức ảnh hưởng của các triết lý âm dương trong đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người Việt. Qua đó, vận dụng sự hiểu biết nhằm tạo nên sự cân bằng, hài hòa trong cuộc sống ở những lĩnh vực khác nhau.

c) Trình bày được về một số vấn đề văn hoá cụ thể: Tín ngưỡng - tôn giáo, phong tục, văn hóa giao tiếp, các loại hình nghệ thuật, ... từ đó rút ra những đặc trưng, bản sắc của văn hóa dân tộc từ truyền thống đến hiện đại.

d) Trình bày được đặc trưng về văn hoá ăn, mặc, ở và đi lại của người Việt. Thông qua đó nhận thức rõ sự tận dụng, ứng phó với môi trường tự nhiên của người Việt từ xưa đến nay thông qua các khía cạnh văn hóa này.

e) Trình bày được quá trình, kết quả của các cuộc giao lưu tiếp biến văn hóa Đông - Tây ở Việt Nam. Có thái độ chủ động tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại trên cơ sở giữ gìn và phát huy nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Nhận thức được, đa dạng văn hóa là động lực thúc đẩy phát triển, không chỉ tăng trưởng kinh tế, mà còn làm phong phú hơn cuộc sống trí tuệ, tình cảm, đạo đức và tinh thần để có cách ứng xử phù hợp trong môi trường đa dạng văn hóa.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTBT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTBT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Những vấn đề chung về văn hoá học và văn hóa Việt Nam | a | 5 | 1 |
| 1.1 | Văn hóa và văn hóa học | | | |
| 1.2 | Định vị văn hóa Việt Nam | | | |
| 2 | Văn hóa nhận thức | b | 3 | 1 |
| 2.1 | Nhận thức về Vũ trụ | | | |
| 2.2 | Nhận thức về con người | | | |
| 2.3 | Văn hóa nhận thức trong đời sống người Việt | | | |
| 3 | Văn hoá tổ chức đời sống cộng đồng | c | 7 | 1 |
| 3.1 | Văn hoá tổ chức đời sống tập thể | | | |
| 3.2 | Văn hoá tổ chức đời sống cá nhân | | | |
| 4 | Văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên | d | 3 | 1 |
| 4.1 | Tận dụng môi trường tự nhiên: Ăn | | | |
| 4.2 | Ứng phó môi trường tự nhiên: Mặc | | | |
| 4.3 | Ứng phó môi trường tự nhiên: Ở và Đi lại | | | |
| 5 | Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội | e | 4 | 1 |
| 5.1 | Giao lưu tiếp biến văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn | | | |

| | | | | |
|-----|--|--|--|--|
| 5,2 | câu hóa và hội nhập Đa dạng văn hóa và sự thống nhất trong đa dạng của văn hóa Việt Nam | | | |
|-----|--|--|--|--|

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy. | 1 | a |
| 2 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Dạy học dựa trên vấn đề. | 2 | b |
| 3 | Thuyết giảng/ Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Seminar. | 3 | c |
| 4 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy Seminar. | 4 | d |
| 5 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy Seminar. | 5 | e |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|------------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c,d,e | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân | a,b,c,d,e | 20% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm | a,b,c,d,e | 20% |
| | Đánh giá thái độ, chuyên cần | a,b,c,d,e | 10% |
| 2 | Thi giữa kỳ | Không | |
| 3 | Thi cuối kỳ | a,b,c,d,e | 50% |

9. Tài liệu dạy học:

| ST T | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|---------|-----------------|----------------------------|--------------|--------------|---|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | | Bài giảng văn hoá Việt Nam | 2021 | | GV | x | |
| 2 | Trần Ngọc Thêm | Cơ sở văn hoá Việt Nam | 2006 | Giáo dục | Thư viện GV | x | |
| 3 | Trần Quốc Vượng | Cơ sở văn hoá Việt Nam | 2002 | Giáo dục | Thư viện http://thuvienso.daihocthuodo.edu.vn/doc/giao-trinh-co-so-van-hoa-viet-nam-tran- | | x |

| | | | | | | | |
|---|-----------|--------------------------|------|------|--|--|---|
| | | | | | quoc-vuong-461170.html | | |
| 4 | Phan Ngọc | Bản sắc văn hoá Việt Nam | 2002 | VHTT | GV | | x |

Ngày cập nhật: 20/12/2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Huỳnh Phương Duyên

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Nga

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Khoa học Xã hội & Nhân văn
Bộ môn: Khoa học Xã hội & Nhân văn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHNT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **THƯỜNG THỨC MỸ THUẬT**

- Tiếng Việt: **Thường thức mỹ thuật**
- Tiếng Anh: **General Basic Art**

Mã học phần: **SSH381**

Số tín chỉ: **02**

Đào tạo trình độ: **Cao đẳng, Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Thông qua môn học Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về những khái niệm mỹ thuật nói chung. Đồng thời giúp hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nhận thức thẩm mỹ đúng đắn phù hợp với truyền thống dân tộc và thời đại. Vận dụng tốt hiểu biết của mình trong cuộc sống hàng ngày. Nội dung học phần bao gồm 05 chủ đề: Chủ đề 1: Một số vấn đề chung về mỹ thuật. Chủ đề 2: Khái quát lịch sử mỹ thuật thế giới. Chủ đề 3: Khái quát lịch sử mỹ thuật Việt Nam. Chủ đề 4: Phân tích một số tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu. Chủ đề 5: tìm hiểu mỹ thuật và cuộc sống, sự ứng dụng của mỹ thuật trong cuộc sống hàng ngày.

3. Mục tiêu:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận, một số khái niệm cơ bản của mỹ thuật, sơ lược về lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới. Sinh viên có kiến thức cơ bản về thể loại, màu sắc, tỉ lệ, bố cục, chất liệu đối với mỹ thuật. Hình thành và rèn luyện các kỹ năng cơ bản liên quan đến môn học. Vận dụng những kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá, có thể phân tích, hiểu được giá trị của một tác phẩm mỹ thuật.

Thông qua học phần, sinh viên được hình thành và phát triển thị hiếu thẩm mỹ, nâng cao nhận thức thẩm mỹ một cách đúng đắn, tôn trọng và bảo vệ cái đẹp trong cuộc sống. Hiểu rõ hơn về cái đẹp từ truyền thống đến hiện đại của dân tộc và trên thế giới. Biết yêu cái đẹp và mong muốn tạo ra cái đẹp.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a. Trình bày được các khái niệm cơ bản của mỹ thuật, phân biệt được các thể loại cơ bản trong Mĩ thuật cũng như các chất liệu của nó. Trình bày sơ lược các giai đoạn lịch sử mỹ thuật Việt Nam và Thế giới.

b. Vận dụng những hiểu biết về mỹ thuật trong học tập và trong hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả. Cảm thụ được cái đẹp trong cuộc sống, trong nghệ thuật, yêu cái đẹp và mong muốn tạo ra cái đẹp. Bước đầu biết phân tích tranh, tượng theo ngôn ngữ Mĩ thuật học.

c. Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và các kỹ năng mềm cần thiết khác để học tập, làm việc, giải quyết các vấn đề trong công việc chuyên môn và trong cuộc sống.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Một số vấn đề chung về mỹ thuật | a | 3 | 1 |
| 1.1 | Các khái niệm cơ bản | | | |
| 1.2 | Nguồn gốc của mỹ thuật | | | |
| 1.3 | Chất liệu của mỹ thuật | | | |
| 2 | Khái quát lịch sử mỹ thuật Thế giới | a | 3 | 1 |
| 2.1 | Mỹ thuật nguyên thủy | | | |
| 2.2 | Mỹ thuật thời cổ đại, trung đại | | | |
| 2.3 | Mỹ thuật thời Trung cổ và Phục hưng | | | |
| 2.4 | Mỹ thuật thế kỷ 17 - Nay | | | |
| 3 | Khái quát lịch sử mỹ thuật Việt Nam | a | 3 | 1 |
| 3.1 | Mỹ thuật Việt Nam thời Nguyên thủy | | | |
| 3.2 | Mỹ thuật Việt Nam thời Phong kiến | | | |
| 3.3 | Mỹ thuật thời Pháp thuộc | | | |
| 3.4 | Mỹ thuật 1945 - 1975 | | | |
| 3.5 | Mỹ thuật 1975 - Nay | | | |
| 4 | Phân tích một số tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu | b | 4 | 4 |
| 4.1 | Làm thế nào để “đọc hiểu” và phân tích một tác phẩm mỹ thuật | | | |

| | | | | |
|-----|---|---|---|---|
| 4.2 | Phân tích những tác phẩm mỹ thuật phương Đông | | | |
| 4.3 | Phân tích những tác phẩm mỹ thuật phương Tây | | | |
| 5 | Mỹ thuật và cuộc sống | c | 3 | 3 |
| 5.1 | Mỹ thuật ứng dụng | | | |
| 5.2 | Vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy. | 1 | a |
| 2 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Dạy học dựa trên vấn đề. | 2 | a |
| 3 | Thuyết giảng/ Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Seminar. | 3 | a |
| 4 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy Seminar. | 4 | b |
| 5 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy Seminar. | 5 | c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|------------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân | a,b,c | 20% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm | a,b,c | 20% |
| | Đánh giá thái độ, chuyên cần | a,b,c | 10% |
| 2 | Thi giữa kỳ | Không | |
| 3 | Thi cuối kỳ | a,b,c | 50% |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|------------------|---------------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Phạm Công Thành, | Mỹ Thuật học | 1998 | NXB Giáo dục | GV | x | |
| 2 | Nguyễn Phi Hoan | Lược sử mỹ thuật Việt nam | 1970 | NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội | GV | x | |

| | | | | | | | |
|---|---|--------------------------------------|------|-----------------------|----|---|---|
| 3 | Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Văn Đỉnh (Đcb) | Lịch sử Nghệ thuật, tập 1,2 | 2021 | NXB Xây Dựng | GV | x | |
| 4 | Đặng Bích Ngân | Từ điển thuật ngữ Mĩ thuật phổ thông | 2002 | NXB Giáo dục | | | x |
| 5 | Nguyễn Quân | Cơn mắt nhìn cái đẹp | 2002 | NXB Văn hóa Thông tin | | | x |

Ngày cập nhật: 5/5/2023

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN


 Nguyễn Văn Hoàng Đạo

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

KT TRƯỞNG BỘ MÔN


 Nguyễn Thị Lan



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Khoa học Xã hội & Nhân văn
Bộ môn: Khoa học Xã hội & Nhân văn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

- Tiếng Việt: Lịch sử văn minh thế giới
- Tiếng Anh: The History of World civilization

Mã học phần: **SSH319**

Số tín chỉ: **02**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về sự hình thành, quá trình lịch sử, và các thành tựu văn minh: chữ viết, khoa học- kĩ thuật, văn học - nghệ thuật, tôn giáo, triết học... của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại từ phương Đông sang phương Tây, từ thời cổ đại cho đến hiện đại.

3. Mục tiêu:

Giúp sinh viên có những hiểu biết cơ bản, hệ thống về các nền văn minh từ phương Đông đến phương Tây trên mọi lĩnh vực qua các thời đại. Trang bị cho sinh viên có thái độ trân quý, ý thức bảo tồn những thành tựu và di sản vô giá của văn minh nhân loại. Xây dựng ở sinh viên khát vọng phát huy, sáng tạo các thành tựu khoa học để phát triển đất nước.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Trình bày và nhận diện được văn hoá, văn minh. Trình bày được tiêu chí quan trọng góp phần hình thành nên một nền văn minh. Nhận diện được các đặc trưng của các nền văn minh lớn trên Thế giới.

b) Trình bày được cơ sở hình thành, lược sử và những thành tựu chủ yếu của các nền văn minh phương Đông và phương Tây, qua đó so sánh được sự tương đồng và khác biệt của các thành tựu thuộc những nền văn minh này.

c) Trình bày được nguyên nhân ra đời của các cuộc cách mạng Công nghiệp và những thành tựu về khoa học kỹ thuật cũng như văn học nghệ thuật trong những cuộc cách mạng công nghiệp.

d) Trình bày được một số những tiến bộ vượt bậc của văn minh thế giới những năm đầu thế kỉ XXI. Đồng thời, nhận thức rõ những tác động của văn minh thế giới hiện đại đã và đang làm nảy sinh những mặt trái về: biến đổi khí hậu, chiến tranh, khủng bố, xung đột sắc tộc, tôn giáo...

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT :

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|---------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|----------|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Những vấn đề chung về văn minh thế giới | a | 2 | 0 |
| 1.1 | Khái niệm văn minh, phân biệt văn hóa – văn minh. | | | |
| 1.2 | Điều kiện hình thành một nền văn minh | | | |
| 1.3 | Những đặc điểm tổng quan của các nền văn minh Thế giới | | | |
| 2 | Văn minh Bắc Phi và Tây Á | b | 5 | 0 |
| 2.1 | Văn minh Ai Cập | | | |
| 2.2 | Văn minh Lưỡng Hà | | | |
| 2.3 | Văn minh Ả Rập | | | |
| 3 | Văn minh Ấn Độ | b | 3 | 0 |
| 3.1 | Cơ sở hình thành nền văn minh Ấn Độ | | | |
| 3.2 | Lược sử cổ trung đại Ấn Độ | | | |
| 3.3 | Những thành tựu chủ yếu của VM Ấn Độ | | | |
| 4 | Văn minh Trung Hoa | b | 3 | 0 |
| 4.1 | Cơ sở hình thành nền văn minh Trung Hoa | | | |
| 4.2 | Lược sử cổ trung đại Trung Hoa | | | |
| 4.3 | Những thành tựu chủ yếu của VM Trung Hoa | | | |
| 5 | Văn minh khu vực Đông Nam Á | b | 2 | 0 |
| 5.1 | Cơ sở hình thành nền văn minh khu vực Đông Nam Á | | | |
| 5.2 | Những thành tựu chính của văn minh khu vực Đông Nam Á | | | |
| 6 | Văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại | b | 5 | 0 |
| 6.1 | Sự hình thành, ra đời và phát triển văn minh Hy - La | | | |
| 6.2 | Những thành tựu nổi bật của văn minh Hy - La | | | |
| 7 | Văn minh Tây Âu thời Trung đại | b | 2 | 0 |
| 7.1 | Sự hình thành và ra đời nền văn minh Tây Âu | | | |
| 7.2 | Văn minh Tây Âu từ thế kỉ V đến thế kỉ XIV | | | |
| 7.3 | Văn minh Tây Âu thời Phục Hưng | | | |
| 7.4 | Sự tiếp xúc giữa các nền văn minh | | | |

| | | | | |
|-----|---|---|---|---|
| 8 | Văn minh công nghiệp | c | 2 | 0 |
| 8.1 | Điều kiện ra đời của nền văn minh Công nghiệp | | | |
| 8.2 | Cuộc cách mạng Công nghiệp | | | |
| 8.3 | Thành tựu khoa học kỹ thuật của văn minh Công nghiệp | | | |
| 9 | Văn minh thế giới thế kỷ XX đến nay | d | 3 | 0 |
| 9.1 | Những thành tựu nổi bật của văn minh thế giới thế kỉ XX | | | |
| 9.2 | Chiến tranh Thế giới và sự tàn phá của nó đối với VM nhân loại | | | |
| 9.3 | Những tiến bộ vượt bậc của VM thế giới những năm đầu thế kỉ XXI | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng / Thảo luận | 1 | a |
| 2 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy. | 2 | b |
| 3 | Thuyết giảng/ Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy. | 3 | b |
| 4 | Thuyết giảng / Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy | 4 | b |
| 5 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Seminar. | 5 | b |
| 6 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Seminar. | 6 | b |
| 7 | Thuyết giảng / Sử dụng phim tư liệu trong giảng dạy/ Seminar. | 7 | b |
| 8 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Seminar. | 8 | c |
| 9 | Thuyết giảng / Thảo luận/ Seminar. | 9 | d |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|------------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c,d | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân | a,b,c,d | 20% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm | a,b,c,d | 20% |
| | Đánh giá thái độ, chuyên cần | a,b,c,d | 10% |
| 2 | Thi giữa kỳ | Không | |
| 3 | Thi cuối kỳ | a,b,c,d | 50% |

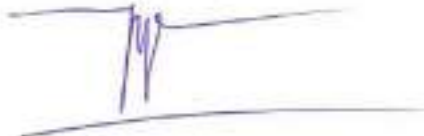
9. Tài liệu dạy học:

| ST T | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|---------|----------------|------------------|--------------------|-----------------|-------------------------------|---------------------|--------------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Vũ Dương | Lịch sử văn minh | 2008 | Giáo dục | Thư viện | x | |

| | | | | | | | |
|---|--------------------|--------------------------------|--------------|-----------------|----------|--|---|
| | Ninh (Chủ biên) | thế giới | (tái bản) | | | | |
| 2 | Almanach | Những nền văn minh thế giới | 2015 | Hồng Đức | GV | | x |
| 3 | Nguyễn Văn Ánh | Lịch sử văn minh thế giới | 2017 | NXB Giáo dục | Thư viện | | x |

Ngày cập nhật: 20/12/2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Nguyễn Thị Thanh Nga

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Nga

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Viện: Nuôi trồng thủy sản
Bộ môn: Quản lý sức khỏe động vật thủy sản

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-DHNT ngày tháng năm 2022
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CON NGƯỜI VÀ MÔI TRƯỜNG**
- Tiếng Anh: **HUMANS AND ENVIRONMENT**

Mã học phần:

Số tín chỉ: 2 TC (2-0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về môi trường, mối quan hệ giữa con người với môi trường và tài nguyên trong vấn đề khai thác và sử dụng cũng như tính cấp thiết của việc bảo vệ môi trường để phòng tránh các hậu quả nảy sinh từ hiện trạng suy thoái và ô nhiễm môi trường.

3. Mục tiêu:

Giúp sinh viên hiểu rõ bản chất và tính thiết yếu của môi trường sống đối với con người, mối liên hệ giữa phát triển và môi trường. Qua đó, nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường trong đời sống cũng như hoạt động ngành nghề.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs):

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a) Khái quát hóa được phạm vi, các chức năng và tình trạng của môi trường; đánh giá những thách thức về môi trường trong trường hợp cụ thể.

b) Phân tích mối liên hệ giữa nhu cầu đời sống và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu; qua đó đánh giá ảnh hưởng của sự biến động dân số đối với môi trường.

c) Phân tích mối liên hệ giữa sự phát triển của quần thể, quần xã sinh vật đối với môi trường và đánh giá tình trạng của môi trường theo quan điểm sinh thái.

d) Phân tích mối liên hệ giữa khai thác - sử dụng tài nguyên thiên nhiên với suy thoái và ô nhiễm môi trường nói chung, và đề xuất phương hướng khai thác - sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên nhằm bảo vệ môi trường.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CĐR HP (CLOs) | CĐR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| a | | x | | | | | | | |
| b | | x | | | | | | | |
| c | | x | | | | | | | |
| d | | x | | | | | | | |

6. Nội dung:

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Môi trường và các thách thức về môi trường | a | 5 | 0 |
| 1.1 | Các khái niệm về môi trường | | | |
| 1.2 | Các chức năng của môi trường | | | |
| 1.3 | Các thách thức về môi trường | | | |
| 1.4 | Thảm họa môi trường, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa | | | |
| 1.5 | Khái quát về phát triển bền vững và bảo vệ môi trường | | | |
| 2 | Mối liên hệ tương hỗ giữa con người với môi trường | b | 5 | 0 |
| 2.1 | Quan hệ giữa con người với môi trường | | | |
| 2.2 | Biến động dân số | | | |
| 2.3 | Nhu cầu và các hoạt động thỏa mãn nhu cầu | | | |
| 3 | Các nguyên lý sinh thái | c | 8 | 0 |
| 3.1 | Sinh vật với môi trường | | | |
| 3.2 | Quần thể và các đặc trưng cơ bản của quần thể | | | |
| 3.3 | Quần xã và các đặc trưng cơ bản của quần xã | | | |
| 3.4 | Hệ sinh thái | | | |
| 4 | Khai thác tài nguyên thiên nhiên | d | 8 | 0 |
| 4.1 | Khái quát về tài nguyên | | | |
| 4.2 | Đánh giá chung về tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên | | | |
| 4.3 | Hiện trạng và tình hình khai thác và sử dụng các nhóm tài nguyên | | | |
| 5 | Ô nhiễm môi trường và các hệ quả | d | 4 | 0 |
| 5.1 | Khái quát về ô nhiễm môi trường | | | |
| 5.2 | Ô nhiễm môi trường nước | | | |
| 5.3 | Ô nhiễm môi trường không khí | | | |
| 5.4 | Ô nhiễm môi trường đất | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chương/chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|----|----------------------------|---------------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng | 1, 2, 3, 4 và 5 | a, b, c và d |
| 2 | Nêu vấn đề - Tranh luận | 1 và 2 | a và b |
| 3 | Đàm thoại - Thảo luận nhóm | 3, 4 và 5 | c và d |
| 4 | Tọa đàm | 4 và 5 | c và d |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hình thức/tiêu chí đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|--------------------------------|----------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: - Chuyên cần và thái độ (kết hợp trả lời câu hỏi và nêu vấn đề hoặc đặt câu hỏi liên quan đến môn học) - Kiểm tra lần I - Kiểm tra lần II | a, b, c và d a, b và c d | 10 20 20 |
| 2 | Thi giữa kỳ (KHÔNG) | | |
| 3 | Thi cuối kỳ | a, b, c và d | 50 |

9. Tài liệu dạy và học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---|--|--------------|----------------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Văn Quỳnh Bôi, Tôn Nữ Mỹ Nga, Trương Thị Bích Hồng, Trần Văn Phước | Con người và môi trường | 2022 | Nông nghiệp | Thư viện | x | |
| 2 | Nguyễn Đình Hòa | Môi trường và phát triển bền vững | 2006 | Giáo dục | Thư viện | | x |
| 3 | Hoàng Hưng – Nguyễn Thị Kim Loan | Con người và môi trường | 2010 | Đại học quốc gia t.p Hồ Chí Minh | Thư viện | | x |
| 4 | Lê Văn Khoa (Chủ biên), Đoàn Văn Cảnh, Nguyễn Quang Hùng, Lâm Minh Triết | Giáo trình “Con người và môi trường” | 2011 | Giáo dục | Thư viện số | | x |
| 5 | Vũ Duy Mạnh – Hoàng Duy Chúc | Môi trường và con người – Sinh thái học nhân văn phát triển bền vững | 2011 | Đại học sư phạm | Thư viện số | | x |

Ngày cập nhật: 15/11/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Văn Quỳnh Bôi

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi họ tên)



Trần Văn Phước

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Viện: Công nghệ sinh học và môi trường
Bộ môn: Kỹ thuật môi trường

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNT ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**
- Tiếng Anh: **CLIMATE CHANGE**

Mã học phần: ENE 334

Số tín chỉ: 02 (2-0)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản nhất về khí hậu và biến đổi khí hậu, sơ lược lịch sử của biến đổi khí hậu, các hiệp định quốc tế về biến đổi khí hậu. Học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng nhằm xác định và phân tích các tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động con người từ đó xác định và chọn lựa các giải pháp chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay. Ngoài ra, những thông tin về tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam và các chiến lược thích ứng được áp dụng cũng sẽ được nghiên cứu trong học phần này.

3. Mục tiêu:

Học phần giúp sinh viên nhận biết, đánh giá, phân tích các tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động sống của con người cũng như trong lĩnh vực ngành nghề đang học. Qua đó giúp người học có định hướng giải pháp ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu hiện nay nhằm hướng đến sự phát triển bền vững.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- a) Phân tích được vai trò của các thành tố cấu tạo nên hệ thống khí hậu và đánh giá ảnh hưởng của chúng đến hệ thống khí hậu;
- b) Phân tích được vai trò của các nhân tố ảnh hưởng đến sự biến đổi khí hậu tự nhiên;
- c) Giải thích được bản chất và đánh giá được vai trò của hiệu ứng nhà kính đối với hệ thống khí hậu và sinh quyển;
- d) Phân tích và đánh giá các hoạt động con người đang góp phần gây ra hiện tượng biến đổi khí hậu;

- e) Phân tích được hiệu quả của các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới;
- f) Phân tích, dự báo các tác động của biến đổi khí hậu đối với hoạt động kinh tế xã hội Việt Nam và đánh giá tính hiệu quả các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT Kỹ thuật môi trường:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|---------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| a) | | X | | | | | | | | |
| b) | | X | | | | | | | | |
| c) | | X | | | | | | | | |
| d) | | X | | | | | | | | |
| e) | | X | | | | | | | | |
| f) | | X | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Các khái niệm cơ bản về khí hậu và biến đổi khí hậu tự nhiên | | | |
| 1.1 | Các khái niệm chung về hệ thống khí hậu | (a) (b) | 1 | |
| 1.2 | Các yếu tố cơ bản của khí hậu | (a) | 1 | |
| 1.3 | Các thành tố/nhân tố hình thành khí hậu | (a) (b) | 2 | |
| 1.4 | Sự biến đổi khí hậu tự nhiên | (a) | 1 | |
| 1.5 | Các hiểm họa tự nhiên tác động đối với con người | (b) | 2 | |
| 2 | Phân tích các hoạt động con người đang góp phần gây biến đổi khí hậu | | | |
| 2.1 | Khai thác và sử dụng nhiên liệu hoá thạch | (c) (d) | 2 | |
| 2.2 | Khai thác quá mức nguồn tài nguyên rừng | (c) (d) | 1 | |
| 2.3 | Các hoạt động sản xuất: Công nghiệp, dân dụng, nông nghiệp | (c) (d) | 1 | |
| 2.4 | Hiệu ứng nhà kính và sự gia tăng khí nhà kính trong bầu khí quyển | (c) | 2 | |

| | | | |
|-----|--|---------|---|
| 3 | Tác động biến đổi khí hậu đối với hoạt động phát triển kinh tế - xã hội toàn cầu | | |
| 3.1 | Tác động biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp | (f) | 2 |
| 3.2 | Tác động của biến đổi khí hậu đối với khai thác và sử dụng tài nguyên nước ngọt | (f) | 1 |
| 3.3 | Tác động biến đổi khí hậu đối với các hệ sinh thái và môi trường | (f) | 1 |
| 3.4 | Tác động của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với hoạt động phát triển kinh tế | (f) | 1 |
| 3.5 | Tác động biến đổi khí hậu đối với hoạt động khai thác và sử dụng năng lượng. | (f) | 1 |
| 3.6 | Tác động của biến đổi khí hậu đối với xã hội và sức khoẻ cộng đồng | (f) | 1 |
| 4 | Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng | | |
| 4.1 | Chiến lược và chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu trên thế giới | (e) (f) | 1 |
| 4.2 | Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu | (e) (f) | 1 |
| 4.3 | Kịch bản biến đổi khí hậu nước biển dâng nước ta | (e) (f) | 1 |
| 4.4 | Các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu | (c) (f) | 1 |
| 4.5 | Các giải pháp giảm nhẹ tác động biến đổi khí hậu | (e) (f) | 1 |
| 4.6 | Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính | (e) (f) | 1 |
| 5 | Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động phát triển kinh tế xã hội Việt Nam | | |
| 5.1 | Đặc điểm khí hậu Việt Nam | (c) (f) | 1 |
| 5.2 | Phân tích những biểu hiện biến đổi khí hậu nước ta | (e) (f) | 1 |
| 5.3 | Các tác động của hiện tượng nước biển dâng đối với nước ta | (e) (f) | 1 |
| 5.4 | Một số giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang áp dụng ở Việt Nam. | (e) (f) | 1 |

7. Phương pháp giảng dạy

| TT | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|----|---------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng | 1, 2, 3 | a) b) |
| 2 | Thảo luận | 2,3,4,5 | a) b) c) f) |
| 3 | Semina | 2, 3, 4,5 | c) d) e) f) |

8. Đánh giá kết quả học tập

| STT | Hoạt động và hình thức đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|---------------|--------------|
| 1 | Chuyên cần | | 5 |
| | Báo cáo nhóm/đánh giá qua khoá trải nghiệm | a,b,c,d,e,f | 30 |

| | | | |
|---|---|-------------|----|
| | Làm bài kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận trên E-learning | a,b,c,d | 15 |
| 2 | Thi cuối kỳ Tự luận Đề: được sử dụng tài liệu | a,b,c,d,e,f | 50 |


9. Tài liệu dạy học

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---------------------------------|---|--------------|--|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Lê Văn Khoa | Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu | 2012 | NXB Giáo dục | Giáo viên | X | |
| 2 | Nguyễn Văn Việt – Đinh Vũ Thanh | Biến đổi khí hậu và nông nghiệp Việt Nam | 2014 | NXB Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam | Giáo viên | | X |
| 3 | Ngô Đăng Nghĩa, Nguyễn Đức Kiên | Bài giảng Biến đổi khí hậu | 2014 | | Giáo viên | X | |
| 4 | Nguyễn Văn Thắng và CTV | Biến đổi khí hậu và tác động ở Việt Nam | 2010 | Viện khoa học khí tượng thủy văn và môi trường | Thư viện | | X |
| 5 | Lê Huy Bá và CTV | Môi trường khí hậu biến đổi – mối hiểm họa toàn cầu | 2014 | NXB Đại học QG TP HCM | Thư viện | | X |
| 6 | Trần Đức Hạ và CTV | Ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động công nghiệp, đô thị và xây dựng công trình | 2013 | NXB khoa học kỹ thuật | Thư viện | | X |
| 7 | Bộ Tài nguyên và môi trường | Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu | 2008 | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Giáo viên | | X |

Ngày cập nhật: 26/2/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Kiên

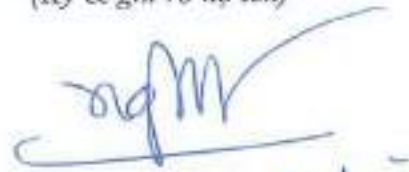
TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Hoài Dương

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký & ghi rõ họ tên)


Ngô Đăng Nghĩa

| | | | | | | | | | |
|---|--|---|---|--|--|--|--|--|--|
| e | | x | x | | | | | | |
|---|--|---|---|--|--|--|--|--|--|

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | KHÁI QUÁT CHUNG VỀ VĂN BẢN | a, b | 4 | 0 |
| 1.1 | Khái niệm văn bản | | | |
| 1.2 | Phân loại văn bản, bản sao văn bản | | | |
| 1.3 | Tính hợp pháp và tính hợp lý của văn bản hành chính | | | |
| 2 | PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH – CÔNG VỤ | c, e | 4 | 2 |
| 2.1 | Phong cách ngôn ngữ hành chính – công vụ | | | |
| 2.2 | Kỹ thuật sử dụng tiếng Việt trong văn bản hành chính - công vụ | | | |
| 3 | THỂ THỨC VÀ KỸ THUẬT TRÌNH BÀY VĂN BẢN, BẢN SAO VĂN BẢN | c, e | 4 | 4 |
| 3.1 | Cơ sở pháp lý xác định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản | | | |
| 3.2 | Phạm vi và đối tượng áp dụng | | | |
| 3.3 | Khổ giấy, kiểu trình bày, đánh số trang văn bản | | | |
| 3.4 | Font chữ trình bày | | | |
| 3.5 | Các thành phần thể thức văn bản | | | |
| 3.6 | Sơ đồ bố trí mẫu trình bày các thành phần thể thức văn bản. | | | |
| 4 | QUY TRÌNH SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH VĂN BẢN | d | 2 | 0 |
| 4.1 | Yêu cầu đối với việc soạn thảo và ban hành văn bản | | | |
| 4.2 | Các bước soạn thảo và ban hành văn bản. | | | |
| 5 | KỸ THUẬT SOẠN THẢO CÁC LOẠI VĂN BẢN THÔNG DỤNG | a, b, c, d,e | 4 | 6 |
| 5.1 | Kỹ thuật soạn thảo quyết định | | | |
| 5.2 | Kỹ thuật soạn thảo tờ trình | | | |
| 5.3 | Kỹ thuật soạn thảo thông báo | | | |
| 5.4 | Kỹ thuật soạn thảo báo cáo | | | |
| 5.5 | Kỹ thuật soạn thảo biên bản | | | |
| 5.6 | Kỹ thuật soạn thảo công văn | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--------------------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng/Thảo luận | 1 | a, b |
| 2 | Thuyết giảng/Bài tập/Thảo luận | 2, 3, 4, 5 | c, d, e |

8. Đánh giá kết quả học tập:


| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c, d, e | 50 |
| 2 | Thi cuối kỳ | a, b, c, d, e | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|--|----------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | ThS. Lê Hoàng Phương Thủy, Ts. Lê Việt Phương, ThS. Nguyễn Thị Lan | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2019 | Nông nghiệp | Văn phòng khoa KHXH&NV | X | |
| 2 | Chính phủ | Nghị định số 30/2020/NĐ-CP | 2020 | | Elearning | X | |

Ngày cập nhật: 25/02/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN
(Ký và ghi họ tên)



Lê Hoàng Phương Thủy

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Thị Lan

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT
(Ký và ghi họ tên)

| | | | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|--|--|--|--|--|--|
| b | | x | x | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | |
| e | x | x | x | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Chủ đề 1. Những vấn đề chung về quản lý HCNN | a,e | 4 | 0 |
| 1.1 | Khái niệm về: quản lý; hành chính; quản lý hành chính; quản lý hành chính nhà nước. | | | |
| 1.2 | Mối quan hệ giữa hoạt động quản lý hành chính với các cơ quan quyền lực khác của nhà nước. | | | |
| 1.3 | Đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của nền hành chính nhà nước | | | |
| 2 | Chủ đề 2: Thể chế hành chính nhà nước | a,e | 4 | 0 |
| 2.1 | Khái niệm thể chế và thể chế hành chính nhà nước; phân loại thể chế hành chính nhà nước | | | |
| 2.2 | Vai trò của thể chế trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 2.3 | Các yếu tố quyết định thể chế hành chính nhà nước | | | |
| 2.4 | Nội dung thể chế hành chính nhà nước | | | |
| 3 | Chủ đề 3: Hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước | a,b,e | 6 | 0 |
| 3.1 | Hình thức quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 3.2 | Phương pháp quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 4 | Chủ đề 4: Quyết định quản lý hành chính nhà nước | a,c,d,e | 6 | 0 |
| 4.1 | Khái niệm, đặc điểm và tính chất của Quyết định quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 4.2 | Phân loại các quyết định quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 4.3 | Tính hợp pháp và hợp lý của quyết định quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 4.4 | Quy trình ban hành, tổ chức và thực hiện quyết định quản lý hành chính nhà nước. | | | |
| 4.5 | Quyền phản kháng lại các quyết định quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 5 | Chủ đề 5: Thủ tục và cải cách hành chính nhà nước | a,d,e | 6 | 0 |
| 5.1 | Khái niệm, đặc điểm và các loại thủ tục quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 5.2 | Khái niệm cải cách hành chính nhà nước, vai trò của cải cách hành chính nhà nước đối với sự nghiệp phát triển đất nước | | | |
| 5.3 | Nội dung cải cách hành chính nhà nước | | | |
| 6 | Chủ đề 6: Kiểm soát nền hành chính nhà nước | a,d,e | 4 | 0 |
| 6.1 | Khái niệm, đặc điểm, phân loại kiểm soát | | | |

| | | | | |
|-----|---|--|--|--|
| 6.2 | Các hình thức kiểm soát | | | |
| 6.3 | Chủ thể thực hiện quyền kiểm soát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước | | | |
| 6.4 | Kiểm soát nội bộ đối với nền hành chính nhà nước | | | |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng/Trao đổi/Thảo luận | 1,2,6 | a,d,e |
| 2 | Thuyết giảng/Bài tập/Thảo luận/Seminar | 3,4,5 | b,c,d,e |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c,d,e | 50% |
| 2 | Thi cuối kỳ | a,b,c,d,e | 50% |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---|--|--------------|--------------------|--------------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Đại học Luật Hà Nội | Giáo trình Luật hành chính Việt Nam | 2018 | Công an nhân dân | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | x | |
| 2 | Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | Nhập môn hành chính nhà nước | 2001 | Chính trị quốc gia | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | X | |
| 3 | TS.NguyễnThị Thủy | Giáo trình Luật hành chính Việt Nam | 2010 | Giáo dục Việt Nam | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | X |
| 4 | Trần Thị Mai | Bài giảng Nhập môn hành chính nhà nước | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | X |
| 5 | Bùi Giang Hưng | Bài giảng Nhập môn hành chính nhà nước | 2021 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | X |
| 6 | Quốc hội | Luật ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật | 2008 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | X |
| 7 | Quốc hội | Luật Khiếu nại | 2011 | | Thư viện số ĐHNT/NTU-Elearning | | X |

| | | | | | | |
|----|----------|---|---------------------------------|--|---------------------------------------|---|
| 8 | Quốc hội | Luật Tổ cáo | 2018 | | Thư viện số ĐHNT/NTU- Elearning | X |
| 9 | Quốc hội | Luật Tổ chức chính quyền địa phương | 2015, sửa đổi năm 2019 | | Thư viện số ĐHNT/NTU- Elearning | X |
| 10 | Quốc hội | Hiến pháp | 2013 | | Thư viện số ĐHNT/NTU- Elearning | X |

Ngày cập nhật: 15/12/2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



TRẦN THỊ MAI

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Lan

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
Bộ môn Khoa học Xã hội Và Nhân văn

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*Kèm theo Quyết định số: 10Đ-DHNT, ngày tháng năm 2021
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG**
- Tiếng anh: GENERAL PSYCHOLOGY

Mã học phần: SSH 316

Số tín chỉ: 02

Đào tạo trình độ: đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương: những vấn đề chung về tâm lý người, sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức, các quá trình nhận thức, trí nhớ, các phẩm chất và thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách, sự sai lệch về hành vi.

3. Mục tiêu:

Nâng cao nhận thức về sự hình thành và phát triển mang tính quy luật của các hiện tượng tâm lý người. Phát triển thái độ sống tích cực, chủ động, sáng tạo của sinh viên. Phát triển năng lực làm chủ cảm xúc của bản thân và khả năng xử lý tốt các tình huống tâm lý phát sinh trong học tập, cuộc sống và nghề nghiệp sau này.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Nhận diện được các hiện tượng tâm lý cũng như các yếu tố tạo nên bản chất tâm lý người, nhận diện được vai trò của các yếu tố thuộc nền tảng tự nhiên và nền tảng xã hội của tâm lý người.

b) Giải thích được tính quy luật của sự hình thành, phát triển của tâm lý và ý thức, phân biệt được các cấp độ của ý thức, tự điều chỉnh tâm lý của bản thân trong học tập và cuộc sống.

c) Phân biệt được tính có quy luật của các quá trình nhận thức. Vận dụng được các quá trình nhận thức vào trong học tập và cuộc sống, đặc biệt áp dụng được tư duy và tưởng tượng vào quá trình xác lập mục tiêu và lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu trong học tập và tương lai.

d) Xây dựng kế hoạch và lựa chọn phương pháp để rèn luyện, phát triển bản thân.

e) Đánh giá đúng giá trị của các chuẩn mực và các mức độ sai lệch về hành vi, tự giác tuân thủ các chuẩn mực.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP | CDR CTĐT (PLOs) |
|--------|-----------------|
|--------|-----------------|

| (CLOs) | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
|--------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| a | | x | | | | | | | | |
| b | | x | x | | | | | | | |
| c | | x | x | | | | | | | |
| d | | x | x | | | | | | | |
| e | | x | | | | | | | | |

6. Nội dung dạy học

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Chủ đề 1. Những vấn đề chung về tâm lí người | a | 4 | 2 |
| | 1.1. Khái niệm, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lí 1.2. Bản chất tâm lí người 1.3. Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lí người | | | |
| 2 | Chủ đề 2. Sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức | b | 4 | 2 |
| | 2.1. Sự hình thành và phát triển tâm lí 2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức | | | |
| 3 | Chủ đề 3. Các quá trình nhận thức | c, d | 3 | 4 |
| | 3.1. Cảm giác 3.2. Trí giác 3.3. Tư duy 3.4. Tưởng tượng | | | |
| 4 | Chủ đề 4. Trí nhớ | b, c | 1 | 1 |
| | 4.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại 4.2. Các giai đoạn của trí nhớ 4.3. Các kiểu trí nhớ cá nhân | | | |
| 5 | Chủ đề 5. Các phẩm chất và thuộc tính tâm lí điển hình của nhân cách | c, d | 3 | 4 |
| | 5.1. Tình cảm 5.2. Ý chí 5.3. Thuộc tính tâm lí điển hình 5.4. Các con đường hình thành và phát triển nhân cách | | | |
| 6 | Chủ đề 6. Sai lệch hành vi cá nhân và hành vi xã hội | e | 1 | 1 |
| | 6.1. Khái niệm chuẩn mực và các loại chuẩn mực 6.2. Sai lệch hành vi và các loại sai lệch 6.3. Hậu quả của sai lệch và giáo dục sửa chữa các hành vi sai lệch | | | |

7. Phương pháp dạy học

| STT | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|-------------------------|--------------------|---------------|
| 1 | Thuyết giảng, thảo luận | 1,2 | a, b |

| | | | |
|---|--|-----|-------|
| 2 | Thuyết giảng, thảo luận, nêu vấn đề | 4,6 | b,c,e |
| 3 | Thuyết giảng, thảo luận, nêu vấn đề, làm việc nhóm | 3,5 | c,d |

8. Đánh giá kết quả học tập

| STT | Hình thức đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|---|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a,b,c,d,e | 50% |
| | Đánh giá hoạt động cá nhân (bài tập, kiểm tra) | a,b,c,d,e | 30% |
| | Đánh giá hoạt động nhóm (bài tập, thuyết trình) | b,c,d | 20% |
| 2 | Thi cuối kỳ (tự luận) | a,b,c,d,e | 50% |

9. Tài liệu dạy và học

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|---|----------------------------------|--------------|---------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Quang Uẩn | Tâm lí học đại cương | 2001 | ĐHQG | Thư viện | x | |
| 2 | Đình Thị Sen | Bài giảng Tâm lí học đại cương | | | Thư viện số ĐHNT | x | |
| 3 | ThS.Lê Thị Hân, TS. Huỳnh Văn Sơn(Chủ biên), TS Trần Thị Thu Mai, ThS Nguyễn Thị Uyên Thi | Giáo trình Tâm lí học đại cương | 2012 | ĐHQG tp Hồ Chí Minh | GV | | x |
| 4 | TS. Thái Trí Dũng | Tâm lí học Quản trị Doanh nghiệp | 2004 | Thống kê | GV | | x |
| 5 | Đào Thị Oanh | Tâm lí học lao động | 2003 | ĐHQG | GV | | x |
| 6 | Dương Thị Diệu Hoa(Chủ biên) | Tâm lí học phát triển | 2011 | ĐHSP | GV | | x |
| 7 | Trần Thị Minh Hằng | Giáo trình Tâm lí học quản lí | 2011 | GDVN | GV | | x |
| 8 | Trần Quốc Thành- Nguyễn Đức | Tâm lí học xã hội | 2011 | ĐHSP | GV | | x |

| | | | | | | | |
|---|----------------|--------------------------------|------|--------|----|--|---|
| | Son | | | | | | |
| 9 | Nguyễn Hữu Thụ | Tâm lý học quản trị kinh doanh | 2009 | ĐHQGHN | GV | | x |

Ngày cập nhật: 22/11/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Đinh Thị Sen

TRƯỞNG BỘ MÔN



Lê Thị Thanh Nga

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Khoa: Công nghệ thông tin

Bộ môn: Hệ thống thông tin

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG B
- Tiếng Anh: GENERAL INFORMATICS B

Mã học phần:

Số tín chỉ: 03 (1 - 2)

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: *không có*

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về Công nghệ thông tin (CNTT) bao gồm: Kiến trúc máy tính và hệ điều hành; Mạng máy tính và các ứng dụng trên internet; Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình; Phân tích và xử lý dữ liệu (Thực hành trực quan hóa dữ liệu, phân tích dữ liệu bằng bảng điều khiển kỹ thuật số (Dashboard) dựa trên công cụ Excel).

3. Mục tiêu:

Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về CNTT để hỗ trợ cho việc học tập các học phần cơ sở và chuyên ngành có sử dụng CNTT; rèn luyện cho sinh viên có khả năng sử dụng CNTT giải quyết một số vấn đề trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- a) Nhận biết được cấu hình và sử dụng hiệu quả một hệ thống máy tính;
- b) Vận dụng hiệu quả các ứng dụng trên Internet, Google apps, NTU e-Learning trong công việc, học tập và nghiên cứu;
- c) Sử dụng thành thạo công cụ soạn thảo văn bản (MS Word) và thuyết trình (MS PowerPoint);
- d) Vận dụng hiệu quả MS Excel để phân tích và xử lý dữ liệu.

5. Nội dung:

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Tổng quan về Công nghệ thông tin | | 3 | 3 |
| 1.1 | Các khái niệm cơ bản | a | 1 | |
| 1.2 | Kiến trúc máy tính | a | 1 | 1 |
| 1.3 | Hệ điều hành | a | 1 | 2 |
| 2 | Mạng máy tính và Internet | | 4 | 12 |
| 2.1 | Các thành phần và chức năng của mạng máy tính | b | 0,5 | 1 |
| 2.2 | Tìm kiếm thông tin hiệu quả | b | 0,5 | 2 |
| 2.3 | Kỹ thuật soạn thảo email | b | 1 | 1 |
| 2.4 | Sử dụng bộ công cụ Google apps (Docs, Forms, Drive, Meet, ..) | b | 1 | 6 |

| | | | | |
|-----|---|---|---|----|
| 2.5 | Học trực tuyến (NTU e-Learning) | b | 1 | 2 |
| 3 | Kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình | | 4 | 20 |
| 3.1 | Các thao tác biên tập nội dung văn bản cơ bản | c | 1 | 5 |
| 3.2 | Các thao tác biên tập nội dung văn bản nâng cao | c | 1 | 5 |
| 3.3 | Kỹ thuật xây dựng slide, thiết lập và phát hành bài trình chiếu | c | 1 | 5 |
| 3.4 | Cách sử dụng các template và thiết lập các slide đặc biệt | c | 1 | 5 |
| 4 | Phân tích xử lý dữ liệu | | 4 | 25 |
| 4.1 | Một số công cụ xử lý dữ liệu | d | 1 | |
| 4.2 | Một số hàm thông dụng của Excel | d | 1 | 2 |
| 4.3 | Cơ sở dữ liệu trên Excel | d | 1 | 3 |
| 4.4 | Tổng hợp, phân tích và thống kê số liệu trên Excel | d | 1 | 5 |
| 4.5 | Một số bài toán ứng dụng | d | | 15 |

6. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT: (10)

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | ... |
| a-d | | | x | | | | | | | |

7. Tài liệu dạy và học: (11)

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|----------------------|---|------------------|-------------------------------|---|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | BM HTTT, Trường ĐHTN | Bài giảng Tin học đại cương B | [Dự kiến 3/2022] | Lưu hành nội bộ | | x | |
| 2 | BM KTPM, Trường ĐHTN | Bài giảng Tin học cơ sở | 2019 | Lưu hành nội bộ | | | x |
| 3 | Nguyễn Văn Chế | Giáo trình ứng dụng Tin học trong kinh doanh | 2011 | Trường ĐH Xây dựng miền Trung | http://muce.edu.vn | | x |
| 4 | Wayne L. Winston | Microsoft Excel 2013: Data Analysis and Business Modeling | 2013 | Microsoft Press | http://club.futureinlands.com | | x |

| | | | | | | | |
|---|-------------------|--|------|-----------|---|--|---|
| 5 | Microsoft Vietnam | Giáo trình Hướng dẫn sử dụng Microsoft Word 2010 | 2010 | Microsoft | https://beta.manleviet.info/giang-day/tin-hoc-ung-dung | | X |
| 6 | Microsoft Vietnam | Giáo trình Hướng dẫn sử dụng Microsoft PowerPoint 2010 | 2010 | Microsoft | https://beta.manleviet.info/giang-day/tin-hoc-ung-dung | | X |

8. Phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đạt CLOs: (12)

| CĐR HP (CLOs) | Phương pháp dạy học | Phương pháp kiểm tra, đánh giá |
|---------------|--|-----------------------------------|
| a, b | Thuyết giảng, ví dụ minh họa | Kiểm tra trắc nghiệm |
| c, d | Dạy học qua ví dụ, hướng dẫn thực hành | Kiểm tra trắc nghiệm và thực hành |

9. Đánh giá kết quả học tập: (13)

| STT | Hình thức/tiêu chí đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|---------------|--------------|
| 1 | Chuyên cần/thái độ | a-d | 10 |
| 2 | Đánh giá giữa kỳ Hình thức: Câu hỏi trắc nghiệm | a-c | 30 |
| 3 | Bài tập thực hành | a-d | 20 |
| 4 | Đánh giá cuối kỳ Hình thức: Thực hành trên máy | c,d | 40 |

Ngày cập nhật: 5/9/2021

T/M NHÓM GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



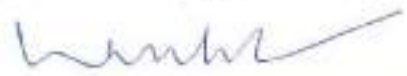
Phạm Thị Thu Thủy

TRƯỞNG KHOA



Phạm Thị Thu Thủy

TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Xuân



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Trung tâm Giáo dục QP&AN
Bộ môn: Giáo dục quốc phòng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần: **T**

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

- Tiếng Anh: **NATIONAL DEFENSE AND SECURITY POLICY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM**

Mã học phần: *QPAD01*

Số tín chỉ: *3(3-0)*

Đào tạo trình độ: *Đại học*

Học phần tiên quyết: *Không*

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức lý luận cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh đối ngoại. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

3. Mục tiêu:

Cung cấp cho người học những quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; bổ sung kiến thức về phòng thủ dân sự... góp phần bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam XHCN trong giai đoạn mới.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs):

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a) Khái quát được các kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh.

b) Trình bày được đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh quốc gia, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

| | | | | |
|-----|--|---------|---|---|
| 3.3 | Một số biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân | | | |
| 4 | Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa | a, b, c | 4 | 0 |
| 4.1 | Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc XHCN | | | |
| 4.2 | Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc | | | |
| 4.3 | Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc | | | |
| 5 | Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | a, b, c | 4 | 0 |
| 5.1 | Đặc điểm, những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | | | |
| 5.2 | Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới | | | |
| 5.3 | Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân | | | |
| 6 | Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại | a, b, c | 4 | 0 |
| 6.1 | Cơ sở lý luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại | | | |
| 6.2 | Nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại | | | |
| 6.3 | Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại | | | |
| 7 | Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam | a, b, d | 4 | 2 |
| 7.1 | Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta | | | |
| 7.2 | Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo | | | |
| 7.3 | Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên | | | |
| 7.4 | Thảo luận | | | |
| 8 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới | a, b, c | 4 | 0 |
| 8.1 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo | | | |
| 8.2 | Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia | | | |

| | | | |
|---|--|---|---------|
| | | nội dung 11.1, 11.2 và 11.3 thuộc Chuyên đề 10 | |
| 2 | Phương pháp "Thuyết giảng" kết hợp với phương pháp "Tổ chức học tập theo nhóm" | Phương pháp "Thuyết trình nêu vấn đề" kết hợp với phương pháp "Làm việc với giáo trình và tài liệu tham khảo" về: nội dung 1.3 thuộc Chuyên đề 1 nội dung 2.3 thuộc Chuyên đề 2 nội dung 3.2 thuộc Chuyên đề 3 nội dung 4.2 thuộc Chuyên đề 4 nội dung 5.2 thuộc Chuyên đề 5 nội dung 6.2 thuộc Chuyên đề 6 nội dung 7.2 thuộc Chuyên đề 7 nội dung 8.1 và 8.2 thuộc Chuyên đề 8 nội dung 9.1 và 9.2 thuộc Chuyên đề 9 nội dung 10.4 và 10.5 thuộc Chuyên đề 10 nội dung 11.2 thuộc Chuyên đề 11 | a, b, c |
| 3 | Phương pháp "Giảng dạy dựa trên vấn đề" | nội dung 3.3 thuộc Chuyên đề 3 nội dung 4.3 thuộc Chuyên đề 4 nội dung 5.3 thuộc Chuyên đề 5 nội dung 6.3 thuộc Chuyên đề 6 nội dung 9.3 thuộc Chuyên đề 9 | c, d |
| 4 | Phương pháp "Giảng dạy thông qua thảo luận" | nội dung 7.3 thuộc Chuyên đề 7 nội dung 10.3 thuộc Chuyên đề 10 nội dung 11.6 thuộc Chuyên đề 11 | b, c, d |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hình thức/tiêu chí đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|-----------------------------|---------------|--------------|
| 1 | Thảo luận nhóm | a, b, c | 5 |
| 2 | Xây dựng bài | a | 10 |
| 3 | Kiểm tra giữa kỳ | b | 30 |
| 4 | Chuyên cần/thái độ | d | 5 |
| 5 | Thi kết thúc học phần | a, b, c, d | 50 |

9. Tài liệu dạy và học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-----------------------|--|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| [1] | Bộ môn Giáo dục QP&AN | Bài giảng Học phần lý luận, môn học Giáo dục QP&AN (Áp dụng cho sinh viên hệ cao đẳng) | | | Thư viện số ĐHNT | ✓ | |



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Trung tâm Giáo dục QP&AN
Bộ môn: Giáo dục quốc phòng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**

- Tiếng Anh: **DEFENSE AND SECURITY WORK**

Mã học phần: *QPAD02*

Số tín chỉ: *2(2-0)*

Đào tạo trình độ: *Đại học*

Học phần tiên quyết: *Không*

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay.

3. Mục tiêu:

Giúp sinh viên nhận thức được một số nội dung cơ bản về phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, giúp sinh viên chuyển biến về nhận thức và hành động góp phần thiết thực vào công tác bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs):

Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:


a) Khái quát được các kiến thức cơ bản về phòng, chống chiến lược “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam; phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác;

| | | | | |
|-----|---|---------|---|---|
| 2.1 | Một số vấn đề cơ bản về dân tộc | | | |
| 2.2 | Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo | | | |
| 2.3 | Đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam | | | |
| 3 | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | a, b, c | 4 | 0 |
| 3.1 | Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | | | |
| 3.2 | Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường | | | |
| 4 | Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông | a, b, c | 4 | 0 |
| 4.1 | Nhận thức chung về vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông | | | |
| 4.2 | Nhận thức về phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông | | | |
| 5 | Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác | a, b, c | 4 | 0 |
| 5.1 | Nhận thức về tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác | | | |
| 5.2 | Nhận thức về công tác phòng, chống tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác | | | |
| 6 | An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | a, b, c | 4 | 0 |
| 6.1 | Nhận thức chung về an toàn thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | | | |
| 6.2 | Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng | | | |
| 6.3 | Chủ thể, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng | | | |
| 7 | An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam | a, b, d | 4 | 2 |
| 7.1 | Các khái niệm cơ bản và nhận diện an ninh phi truyền thống (ANPTT) | | | |
| 7.2 | Những thách thức và đe dọa của an ninh phi truyền thống (ANPTT) | | | |

| | | | | | | | |
|-----|---------------|---|------|-------------------|---|---|---|
| [2] | Bộ GD&ĐT | Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh – Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2020 | Tài liệu tập huấn | Trung tâm GDQP&AN | ✓ | |
| [3] | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Công tác Quốc phòng và An ninh (Dùng cho đào tạo giáo viên, giảng viên Giáo dục QP&AN) | 2015 | Giáo dục | Thư viện số ĐHNT | ✓ | |
| [4] | Bộ GD&ĐT | Giải thích thuật ngữ Giáo dục Quốc phòng và An ninh | 2015 | Giáo dục | Thư viện số ĐHNT | | ✓ |
| [5] | Mạng Internet | <ul style="list-style-type: none"> - Luật An ninh Quốc gia 2004 số 32/2004/QH11 - Luật giao thông đường bộ 2008 23/2008/QH12 - Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 - Luật an ninh mạng 2018 số 24/2018/QH14 - Luật Quốc phòng năm 2018, số 22/2018/QH14 - Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14 - Luật Bảo vệ môi trường 2020 số 72/2020/QH14 - Bộ luật hình sự 2015 số 100/2015/QH13 | | | https://m.thuvienphapluat.vn/ | | ✓ |

Ngày cập nhật: 05/09/2022

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN


Bùi Thanh Quân 5

TRƯỞNG BỘ MÔN


Nguyễn Anh Dũng



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
Bộ môn: Giáo dục quốc phòng

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **QUÂN SỰ CHUNG**

- Tiếng Việt: **Quân sự chung**
- Tiếng Anh: **General Military**

Mã học phần: **QPAD033**

Số tín chỉ: **01(0,5-0,5)**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về chế độ sinh hoạt học tập công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, bản đồ địa hình quân sự, quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp; phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao; điều lệnh đội ngũ đơn vị; điều lệnh đội ngũ từng người có súng.

3. Mục tiêu:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ; hiểu biết chung về lịch sử các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; có khả năng nhận biết và phòng tránh một số loại vũ khí công nghệ cao địch sử dụng trong chiến tranh; biết, hiểu về điều lệ, quy tắc thi đấu ba môn quân sự phối hợp trong thể thao quốc phòng; hình thành ý thức sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) Biết, hiểu và tổ chức thực hiện tốt một số chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; nêu tên chính xác quân, binh chủng trong tổ chức biên chế của Quân đội nhân dân Việt Nam; nhận diện được một số loại vũ khí công nghệ cao hiện nay để biết cách phòng tránh; điều lệ, quy tắc thi đấu ba môn quân sự phối hợp

b) Có khả năng thao tác trên bản đồ ở cấp độ đơn giản như đọc bản đồ, xác định các loại tọa độ, chỉ thị mục tiêu báo cáo; thể hiện kỹ năng chỉ huy cấp tiểu đội trong thực hiện các hoạt động học tập sinh hoạt, học tập tại Trung tâm; thực hành một số động tác về điều lệnh đội ngũ từng người có súng.

c) Xây dựng ý thức sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT đại học:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| a | X | | | | | | | | |
| b | | X | | | | | | | |
| c | | | X | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần 1.1 Tầm quan trọng của việc thực hiện các chế độ quy định 1.2 Nội dung các chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần 1.3 Trách nhiệm của quân nhân trong việc thực hiện các quy định | a, c | 2 | 0 |
| 2 | Các chế độ nền nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại 2.1 Các chế độ chính quy 2.2 Bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại | a, c | 2 | 0 |
| 3 | Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội 3.1 Quân chủng Hải quân 3.2 Quân chủng Phòng không – Không quân 3.3 Lục quân | a, c | 4 | 0 |
| 4 | Điều lệnh đội ngũ từng người có súng 4.1 Khảm súng 4.2 Động tác đeo súng, xuống súng 4.3 Động tác treo súng, xuống súng | a, b, c | 0 | 4 |
| 5 | Điều lệnh đội ngũ đơn vị 5.1 Đội hình tiểu đội 5.2 Đội hình trung đội 5.3 Đối hướng đội hình | a, b, c | 0 | 4 |
| 6 | Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự 6.1 Bản đồ 6.2 Sử dụng bản đồ | a, b, c | 2 | 2 |
| 7 | Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao 7.1 Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch 7.2 Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao | a, c | 2 | 2 |
| 8 | Ba môn quân sự phối hợp 8.1 Điều lệ 8.2 Quy tắc thi đấu | a, b, c | 2 | 4 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | Giảng giải, trình bày trực quan, khởi động trí tuệ, trải nghiệm khách quan | 1, 2, 3, 7, 8 | a, c |
| 2 | Giảng giải, trình bày trực quan, làm mẫu, kiểm tra vấn đáp, kiểm tra thực hành | 4, 5, 6 | a, b, c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|-----------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a, c | 50 |
| 2 | Thi kết thúc học phần | a, b, c | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|----|--|---|--------------|-----------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (Tập 1,2) | 2019 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X | |
| 2. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 3. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Hiểu biết chung về quân, binh chủng | 2016 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 4. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Đường lối quân sự | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 5. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 6. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 7. | Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Văng | Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh | 2015 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 8. | Tạ Ngọc Văng, Bùi | Giáo dục an ninh – trật tự | 2016 | NXB Giáo dục | Trung tâm GDQP&AN | | X |

| | | | | | | | |
|-----|--|--------------------------------|------|--------------------------------|----------------------|--|---|
| | Văn Thịnh, Phạm Đình Xinh, Đinh Tuấn Anh, Phan Tấn Hoài, Nguyễn Ngọc Minh | | | Việt Nam | | | |
| 9. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Tâm lý học | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 10. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Giáo dục học | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 11. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Địa hình quân sự | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |

Ngày cập nhật: 10/5/2023

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Trịnh Đức Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh
Bộ môn: Giáo dục quốc phòng
ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần: **KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT**

- Tiếng Việt: **Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**
- Tiếng Anh: **Infantry fighting techniques and tactics**

Mã học phần: **QPAD044**

Số tín chỉ: **02**

Đào tạo trình độ: **Đại học**

Học phần tiên quyết: **Không**

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng.

3. Mục tiêu:

Giúp sinh viên thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; biết sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng; hình thành kỹ năng quân sự cần thiết sẵn sàng tham gia nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

a) Trình bày một số nội dung cơ bản về ngắm bắn, cách chọn thước ngắm, điểm ngắm đối với kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; quán triệt đầy đủ, chính xác nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác.

b) Sử dụng thành thạo súng tiểu liên AK, lựu đạn LD-01 Việt Nam; thực hiện chính xác hành động của người chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và canh gác (cảnh giới)

c) Hình thành ý thức, tác phong, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT đại học

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | |
|------------------|-----------------|---|---|
| | 1 | 2 | 3 |
| a | X | | |
| b | | X | |
| c | | | X |

6. Nội dung:

| TT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|----|--|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK 1.1 Ngắm bắn, cách chọn thước ngắm, điểm ngắm 1.2 Động tác bắn tại chỗ của súng tiểu liên AK 1.3 Tập ngắm bia chỉ đồ, ngắm chụm, ngắm trúng chụm 1.4 Giới thiệu điều kiện bắn súng tiểu liên AK bài 1 | a, b, c | 2 | 22 |
| 2 | Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1 2.1 Bình khí lựu đạn F1, lựu đạn LD-01 Việt Nam 2.2 Động tác ném lựu đạn 2.3 Giới thiệu điều kiện ném lựu đạn bài 1b " <i>Ném lựu đạn xa, đúng hướng</i> " | a, b, c | 2 | 6 |
| 3 | Từng người trong chiến đấu tiến công 3.1 Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 3.2 Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 3.3 Thực hành chiến đấu 3.4 Hành động của từng người khi chiếm được mục tiêu | a, b, c | 0 | 16 |
| 4 | Từng người trong chiến đấu phòng ngự 4.1 Đặc điểm tiến công của địch 4.2 Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 4.3 Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ 4.4 Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu | a, b, c | 0 | 8 |
| 5 | Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới) Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật 5.1 Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ 5.2 Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác 5.3 Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ 5.4 | a, b, c | 0 | 4 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|----|---|--------------------|---------------|
| 1 | Giảng giải, trình bày trực quan, làm mẫu, nêu vấn đề, luyện tập | 1; 2 | a, b, c |
| 2 | Giảng giải, trình bày trực quan, làm mẫu, nêu vấn đề, luyện tập sắm vai | 3; 4; 5 | a, b, c |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|-----------------------|---------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình | a, b, c | 50 |
| 2 | Thi kết thúc học phần | a, b, c | 50 |

9. Tài liệu dạy và học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản (tái bản) | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|--|---|------------------------|-----------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Giáo dục Quốc phòng – An ninh (Tập 1,2) | 2019 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X | |
| 2. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 3. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Hiểu biết chung về quân, binh chủng | 2016 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 4. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Đường lối quân sự | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 5. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân Việt Nam | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 6. | Bộ GD&ĐT | Giáo trình Lý luận và phương pháp dạy học giáo dục quốc phòng và an ninh | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |
| 7. | Lê Ngọc Cường, Lê Doãn Thuật, Tạ Ngọc Vãng | Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh | 2015 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | | X |

| | | | | | | |
|-----|---|-----------------------------|------|-----------------------|-------------------|---|
| 8. | Tạ Ngọc Vãng, Bùi Văn Thịnh, Phạm Đình Xinh, Đinh Tuấn Anh, Phan Tấn Hoái, Nguyễn Ngọc Minh | Giáo dục an ninh – trật tự | 2016 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X |
| 9. | BỘ GD&ĐT | Giáo trình Tâm lý học | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X |
| 10. | BỘ GD&ĐT | Giáo trình Giáo dục học | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X |
| 11. | BỘ GD&ĐT | Giáo trình Địa hình quân sự | 2017 | NXB Giáo dục Việt Nam | Trung tâm GDQP&AN | X |

Ngày cập nhật: 10/05/2023

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN



Trịnh Đức Minh

TRƯỞNG BỘ MÔN





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Giáo dục quốc phòng – An ninh
Bộ môn: Giáo dục thể chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày Tháng..... năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **ĐIỀN KINH VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
- Tiếng Anh: Athletics and Training methods

Mã học phần: 85065

Số tín chỉ: 1 TC

Đào tạo trình độ: Đại học; Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

- Khi tập luyện Điền kinh sẽ tác động đến các tổ chức của các cơ quan trong cơ thể người tập, giúp người tập phát triển sức khỏe và các tổ chức thể lực. Đặc biệt khi tập chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, sẽ giúp người tập phát triển sức nhanh, sức bền, dẻo - khéo léo và khả năng phối hợp vận động. Ngoài ra tập luyện Điền kinh còn là một quá trình rèn luyện, bồi dưỡng con người phát triển toàn diện về phẩm chất tâm lý – ý chí, ý thức, tính kiên trì và dũng cảm...

- Người học sẽ nắm được nguyên lý kỹ thuật và chiến thuật của chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, để áp dụng vào trong giảng dạy, huấn luyện và trong thi đấu.

- Trang bị đầy đủ cho người học về phương pháp giảng dạy, cách tập luyện Điền kinh và những điểm cơ bản trong luật Điền kinh.

3. Mục tiêu:

- Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý kỹ thuật, kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài của chạy cự ly ngắn (60m) và chạy cự ly trung bình (nam: 1000m; nữ: 500m)

- Trang bị cho SV có đủ kỹ năng thực hiện được các kỹ thuật về chạy cự ly ngắn (60m) và cự ly trung bình (nam: 1000m; nữ: 500m).

- Nâng cao các tố chất vận động, thể lực: Nhanh – Mạnh – Bền, khéo léo.

- Trang bị cho sinh viên có một nền tảng thể lực, sức bền tốt nhằm phục vụ cho việc học tập và đào tạo.

- Giáo dục những phẩm chất đạo đức cần thiết: tính can đảm, kiên trì...

- Giáo dục những phẩm chất đạo đức cần thiết để đáp ứng được mục tiêu chung là giáo dục con người một cách toàn diện.

- Giáo dục cho sinh viên có một thái độ tự giác tích cực trong việc "Rèn luyện thân thể"

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a. Nắm vững tri thức cơ bản về lịch sử phát triển, các nhóm môn Điền kinh, về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao Điền kinh.

b. Nắm được tri thức cơ bản về những loại hình chấn thương trong thể thao, từ đó có phương pháp phòng ngừa chấn thương khi luyện tập thể thao rèn luyện thân thể.

c. Sinh viên thực hiện được một số động tác hỗ trợ cho môn điền kinh.

d. Thực hiện được kỹ thuật động tác của chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình. Từ đó sinh viên có thể tự rèn luyện thân thể nhằm nâng cao khả năng thể chất, phát triển các tổ chức thể lực, phát triển các khả năng chức phận của cơ thể.

e. Nắm được Luật thi đấu của môn Điền kinh, biết được phương pháp tổ chức thi đấu nhằm giúp phát triển sức khỏe cho bản thân và cộng đồng xã hội.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT :

| CĐR HP (CLOs) | CĐR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | - Sơ lược lịch sử phát triển môn Điền kinh - Ý nghĩa, lợi ích, tác dụng của việc tập luyện điền kinh đối với việc nâng cao sức khỏe, phòng chống bệnh tật. | a, b, e | 2 | |
| 2 | - Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình. | a, b, e | 2 | |
| 3 | - Đặc điểm chấn thương ở từng môn thể thao và phương pháp phòng ngừa: Các môn chạy; Các môn nhảy; Các môn ném. - Luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn Điền kinh | a, b, e | 2 | |

| | | | | |
|------------|--|------------|---|----|
| 4 | - Xây dựng khái niệm kỹ thuật chạy cự ly trung bình; tìm hiểu đặc điểm chạy cự ly ngắn của người học | b, c, d, e | | 2 |
| 5 | - Giảng dạy kỹ thuật chạy trên đường thẳng của cự ly trung bình và cự ly ngắn: Chạy bước nhỏ, nâng cao đùi, chạy đạp sau tăng tốc; Tại chỗ tập đánh tay; Chạy tốc độ cao các đoạn 20 – 60m | b, c, d, e | | 2 |
| 6 | - Giảng dạy kỹ thuật kỹ thuật chạy trên đường vòng: Chạy trên đường vòng có bán kính khác nhau và tốc độ khác nhau; Chạy trên đường vòng ra đường thẳng và ngược lại | b, c, d, e | | 2 |
| 7 | - Giảng dạy kỹ thuật xuất phát cao và tăng tốc độ sau xuất phát cự ly trung bình; kỹ thuật xuất phát thấp và chạy lao cự ly ngắn: Kỹ thuật đóng bàn đạp, tập khẩu lệnh xuất phát | b, c, d, e | | 2 |
| 8 | - Giảng dạy kỹ thuật chuyển tiếp từ chạy lao sang chạy giữa quãng : xuất phát thấp chạy lao rồi chạy theo quán tính, chạy biến tốc ngắn; chạy 60m xuất phát thấp. | b, c, d, e | | 2 |
| 9 | - Giảng dạy kỹ thuật về đích: Đi chậm 6 -10m làm động tác đánh đích; chạy tốc độ cao 60m làm động tác đánh đích. | b, c, d, e | | 2 |
| 10 | - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn: Chạy xuất phát lặp lại 30m; Chạy hoàn thiện kỹ thuật 50 – 100m; Thi đấu các cự ly chính | b, c, d, e | | 2 |
| 11 | - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự ly trung bình: Chạy lặp lại cự ly 200 – 600m; Chạy biến tốc cự ly 400m trở xuống; Chạy dài hơn cự ly thi đấu. | b, c, d, e | | 2 |
| 12 | - Đánh giá, phân loại thể lực theo Quyết định của Bộ GD&ĐT: nằm ngửa gập bụng; bật xa tại chỗ; chạy 30m XPC; chạy con thoi 4 x 10m; chạy 5 phút tùy sức. | b, c, d, e | | 2 |
| Tổng cộng: | | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|---|--------------------|---------------|
| 1 | - Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng bài giảng điện tử, phương pháp trình chiếu, kết hợp bằng hình và video về kĩ thuật động tác | 1, 2, 3 | a, b, c, d |
| 2 | - Phương pháp thị phạm động tác, phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp phân | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e, |

| | | | |
|---|--|---------------|-------------|
| | nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động nhằm tạo hứng thú, khắc phục nhàm chán trong giờ học. | | |
| 3 | Phương pháp trò chơi vận động, phương pháp thị phạm điển giải, phân tích, Phương pháp thi đấu, phương pháp phân nhóm. Phương pháp hoàn thiện kĩ thuật điển kinh. | 9, 10, 11, 12 | b, c, d, e, |

8. Đánh giá kết quả học tập:

8.1. Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến)

| Lần kiểm tra | Tiết thứ | Hình thức kiểm tra | Chủ đề/Nội dung được kiểm tra | Nhằm đạt KQHT |
|--------------|----------|--------------------|---|---|
| 1 | 8 | Thực hành | Các kỹ thuật động tác đơn lẻ 1) Tổ chất thể lực: Năm ngựa gập bụng. 2) Tổ chất thể lực: Chạy con thoi 4 x 10m | Nhằm làm cho người tập hoàn thiện được các kỹ thuật chạy cự ly ngắn, giúp phát triển tổ chất sức nhanh, sức mạnh, khéo léo trong vận động |

8.2. Thang điểm thi:

| Chạy 60m (giây) | | | Chạy 500m (nữ), 1000m (nam) (phút) | | |
|-----------------|------|---------------|------------------------------------|------|-------------|
| Nam | Điểm | Nữ | Nam | Điểm | Nữ |
| 7"60 - 7"79 | 10 | 10"50 - 10"69 | 3.30 - 3.39 | 10 | 2.00 - 2.14 |
| 7"80 - 7"99 | 9 | 10"70 - 10"89 | 3.40 - 3.49 | 9 | 2.15 - 2.29 |
| 8"00 - 8"29 | 8 | 10"90 - 11"09 | 3.50 - 3.59 | 8 | 2.30 - 2.44 |
| 8"30 - 8"59 | 7 | 11"10 - 11"29 | 4.00 - 4.15 | 7 | 2.45 - 2.59 |
| 8"60 - 8"89 | 6 | 11"30 - 11"49 | 4.16 - 4.30 | 6 | 3.00 - 3.05 |
| 8"90 - 9"29 | 5 | 11"50 - 11"79 | 4.31 - 5.00 | 5 | 3.06 - 3.15 |
| 9"30 - 9"69 | 4 | 11"80 - 12"09 | 5.01 - 5.15 | 4 | 3.16 - 3.30 |
| 9"70 - 10"19 | 3 | 12"10 - 12"39 | 5.16 - 5.30 | 3 | 3.31 - 3.45 |
| 10"20 - 10"79 | 2 | 12"40 - 12"79 | 5.31 - 6.00 | 2 | 3.46 - 4.00 |
| 10"80 - 11"40 | 1 | 12"80 - 13"39 | 6.01 - 7.00 | 1 | 4.01 - 4.15 |

8.3. Thang đánh giá 5 tiêu chí thể lực chung:

| Giới tính | Phân loại | Nằm ngửa gấp bụng (lần/30 giây) | Bật xa tại chỗ (cm) | Chạy 30m XPC (giây) | Chạy con thoi 4 x 10m (giây) | Chạy tùy sức 5 phút (m) |
|-----------|-----------|---------------------------------|---------------------|---------------------|------------------------------|-------------------------|
| Nữ | Tốt | > 18 | > 168 | < 5.80 | < 12.10 | > 930 |
| | Đạt | 15 - 18 | 151 - 168 | 5.80 - 6.80 | 12.10 - 13.10 | 850 - 930 |
| Nam | Tốt | > 21 | > 222 | < 4.80 | < 11.80 | > 1050 |
| | Đạt | 16 - 21 | 205 - 222 | 4.80 - 5.80 | 11.80 - 12.50 | 940 - 1050 |

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|----------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: Chuyên cần/thái độ học tập: Điểm danh từng giáo án, sinh viên có tương tác với giảng viên, xem trước tài liệu, tự ôn luyện các bài tập hỗ trợ kỹ thuật, thể lực chuyên môn trước khi đến lớp. | a, b, c, d, e, | 10 |
| 2 | Các kỹ thuật động tác đơn lẻ 1) Tổ chất thể lực: Nằm ngửa gấp bụng. 2) Tổ chất thể lực: Chạy con thoi 4 x 10m | c, d | 40 |
| 3 | Thi cuối kỳ: - Thực hiện kỹ thuật chạy cự ly ngắn 60 mét cho nam và nữ | c, d, | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|------------------------|-----------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | PGS.TS. Lưu Quang Hiệp | Y học TDTT | 2000 | TDTT | Trường Đại học TDTT | x | |
| 2 | Trịnh Trung Hiếu | Lý luận và phương pháp TDTT | 1997 | TDTT, Hà Nội | Trường Đại học TDTT | | x |
| 3 | | Sách Giáo khoa Điền kinh | 2006 | TDTT, Hà Nội | Trường Đại học TDTT | | x |
| 4 | | Luật Điền kinh | 2009 | TDTT, Hà Nội | Trường Đại học TDTT | x | |

| | | | | | | | |
|---|------------------------------|------------|------|------|------------------------|---|--|
| 5 | PGS.TS. Lưu Quang Hiệp | Y học TĐTT | 2000 | TĐTT | Trường Đại học TĐTT | x | |
|---|------------------------------|------------|------|------|------------------------|---|--|

Ngày cập nhật: ngày 15 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

TRƯỞNG BỘ MÔN


(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)



- Nắm và hiểu được cơ bản về luật cũng như phương pháp tổ chức thi đấu bóng đá, và cách xử lý khi gặp các trường hợp chấn thương trong tập luyện và thi đấu.
- Nắm được kiến thức cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng đá.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- Nhận thức được lợi ích và tác dụng của môn bóng đá mang lại đối với người học trong việc nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất.
- Biết được luật bóng đá, phương pháp tổ chức, và việc xử lý các trường hợp chấn thương trong tập luyện và thi đấu.

Thực hiện được các động tác kỹ thuật cơ bản môn bóng đá :

- Kỹ thuật di chuyển (Chạy, dừng đột ngột, chuyển thân, bật nhảy, đi bộ)
- Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân và mu bàn chân.
- Kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng và giữa bàn chân.
- Kỹ thuật ném biên.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|---------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |
| f | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|---------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc ra đời môn bóng đá. - Lịch hình thành và phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam. Sự ra đời của bóng đá hiện đại. - Lợi ích, tác dụng của môn bóng đá đem lại trong cuộc sống. - Các phương pháp tổ chức thi đấu và luật thi đấu bóng đá. | a, b | 2 | |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Những kỹ thuật cơ bản trong bóng đá +Phân tích kỹ thuật di chuyển. +Phân tích kỹ thuật đá bóng bằng lòng và mu bàn chân. +Phân tích kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng và mu giữa bàn | c, d, e, f | 4 | |

| | | | | |
|----|--|------------|--|---|
| | chân. +Phân tích kỹ thuật ném biên. - Cách xử lý khi gặp chấn thương trong tập luyện và thi đấu. | | | |
| 3 | - Hướng dẫn các bài tập khởi động chung và khởi động chuyên môn. - Giới thiệu kỹ thuật di chuyển trong bóng đá. | c, d, e, f | | 1 |
| 4 | - Giới thiệu và phân tích kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân với các bài tập. | c, d, e, f | | 2 |
| 5 | - Tập luyện kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân bằng các bài tập hỗ trợ. - Thể lực : Hỗ trợ với các bài tập thân trên. | c, d, e, f | | 2 |
| 6 | -Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. - Hướng dẫn và phân tích kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng bàn chân. | c, d, e, f | | 2 |
| 7 | - Trò chơi vận động.(Thay thế cho khởi động để tạo hứng thú trong tập luyện) - Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng và đá bóng bằng lòng bàn chân với các bài tập phối hợp (dẫn bóng sút cầu môn, dẫn bóng chuyển đổi hướng,...) | c, d, e, f | | 1 |
| 8 | - Hướng dẫn và phân tích kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân. - Luyện tập và hoàn thiện các kỹ thuật đá bóng và dẫn bóng bằng lòng bàn chân bằng các bài tập. | c, d, e, f | | 2 |
| 9 | - Kiểm tra giữa học kì. - Kiểm tra nội dung : Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân. | c, d, e, f | | 2 |
| 10 | - Hướng dẫn và phân tích kỹ thuật dẫn bóng bằng mu bàn chân. | c, d, e, f | | |
| 11 | - Hoàn thiện kỹ thuật dẫn bóng bằng mu bàn chân, lòng bàn chân và kỹ thuật đá bóng bằng lòng và mu bàn chân với cá bài tập (Luồn cọc, luồn cọc sút cầu môn,...) | c, d, e, f | | 1 |
| 12 | - Hướng dẫn và phân tích kỹ thuật ném biên. | c, d, e, f | | 2 |

| | | | | |
|----|--|------------|---|----|
| | - Tổ chức thi đấu. | | | |
| 13 | - Luyện tập các bài tập kết hợp chuyển bóng bằng lòng bàn chân và sút bóng bằng mu giữa bàn chân (dẫn bóng luân cộc sút cầu gôn, bài tập hình vuông; tam giác,...). | c, d, e, f | | 1 |
| 14 | - Luyện tập và hoàn thiện các kỹ thuật đá bóng bằng lòng và mu giữa bàn chân. Kỹ thuật dẫn bóng bằng lòng và mu giữa bàn chân. -Tổ chức thi đấu. | c, d, e, f | | 1 |
| 15 | - Hướng dẫn các bài tập phối hợp vận động. (Luôn cộc sút cầu môn, chuyển đá lòng đổi hướng,...). | c, d, e, f | | 1 |
| | Tổng cộng: | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|-----------------------|---------------|
| 1 | - Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng bài giảng điện tử, phương pháp trình chiếu, kết hợp băng hình và video về kỹ thuật động tác | 1, 2, 3 | a, b, c, d |
| 2 | - Phương pháp thị phạm động tác, phương pháp phân tích kỹ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động nhằm tạo hứng thú, khắc phục nhàm chán trong giờ học. | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e, f |
| 3 | Phương pháp trò chơi vận động, phương pháp thị phạm diễn giải, phân tích, Phương pháp thi đấu, phương pháp phân nhóm. Phương pháp hoàn thiện kỹ thuật bóng đá | 9, 10, 11,12,13,14,15 | b, c, d, e, f |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|---|------------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: Chuyên cần/thái độ học tập: Điểm danh từng giáo án, sinh viên có tương tác với giảng viên, xem trước tài liệu, tự ôn luyện các bài tập bổ trợ kỹ thuật, thể lực chuyên môn trước khi đến lớp. | a, b, c, d, e, f | 10 |
| 2 | Kiểm tra giữa kỳ: Thực hiện động tác kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân vào cầu môn. | d, e | 40 |

| | | | |
|---|--|------------|----|
| 3 | Thi cuối kỳ: - Kiểm tra đồng tác kỹ thuật tăng bóng. - Kiểm tra đồng tác kỹ thuật ném biên. - Test thể lực. | c, d, e, f | 50 |
|---|--|------------|----|

9. Tài liệu dạy và học:

| STT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-------------------|--|--------------|-------------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Lý Vĩnh Trường | Giáo trình bóng đá | 2017 | Đại học Quốc gia TP.HCM | | x | |
| 2 | Nguyễn Quang Dũng | Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp thi đấu. | 2005 | TDTT Hà Nội | | | x |
| 3 | Tổng cục TDTT | Luật thi đấu bóng đá | 2014 | TDTT | Trương Đại học TDTT | | x |

Ngày cập nhật: ngày 15 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

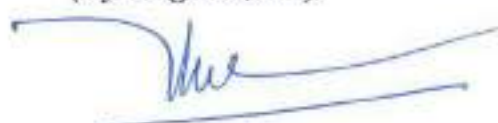
(Ký và ghi họ tên)



Ths. Hồ Thanh Nhã

TRƯỞNG BỘ MÔN

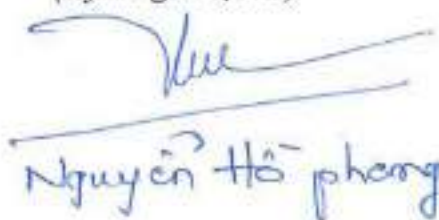
(Ký và ghi họ tên)



Ths. Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Giáo dục quốc phòng – An ninh
Bộ môn: Giáo dục thể chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày Tháng..... năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **BÓNG CHUYÊN VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
- Tiếng Anh: Volleyball and Training methods

Mã học phần: 85098

Số tín chỉ: 1 TC

Đào tạo trình độ: Đại học; Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

- Các nội dung Bóng chuyên, được đưa vào trường học nhằm mục đích tăng cường thể chất cho sinh viên. Hiện nay các nội dung Bóng chuyên, được đưa vào đào tạo giáo dục thể chất tự chọn và đem lại hiệu quả cao trong công tác giáo dục thể chất trong nhà trường.

Học phần gồm 2 phần:

Phần 1. Lý thuyết:

- Lịch sử phát triển môn bóng chuyên.
- Luật thi đấu bóng chuyên.
- Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.

Phần 2. Thực hành:

- Chuyển bóng.
- Đệm bóng .
- Phát bóng .

3. Mục tiêu:

- Nắm vững tri thức về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao bóng chuyên.

- Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật chuyển bóng, đệm bóng, phát bóng và phương pháp tập luyện

Thực hiện đúng các bài tập bóng chuyên cơ bản.

Lý thuyết: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, ý nghĩa và tác dụng, luật, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng chuyên.

Thực hành: Trang bị cho sinh viên kỹ thuật chuyển bóng, đệm bóng, phát bóng.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

a) **N**ắm vững tri thức cơ bản về lịch sử phát triển, về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao bóng chuyền.

b) Thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng

c) Thực hiện được kỹ thuật đệm bóng

d) Thực hiện được kỹ thuật phát bóng

e) Biết được phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT:

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | - Nguồn gốc ra đời môn bóng chuyền. - Lịch sử phát triển môn bóng chuyền trong và ngoài nước. - Lợi ích tác dụng của môn bóng chuyền trong nghề nghiệp và đời sống. - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng chuyền | a, e | 4 | |
| 2 | -Thực hành và lý thuyết kỹ thuật chuyền bóng -Thực hành và lý thuyết kỹ thuật đệm bóng - Thực hành và lý thuyết kỹ thuật phát bóng - Thực hành và lý thuyết kỹ thuật đập bóng Vận dụng các kỹ thuật nói trên trong thi đấu | b, c, d, e | 2 | 6 |
| 3 | Thể lực chung và chuyên môn. Trò chơi vận động với bóng. | b, c, d, e | | 2 |
| 4 | 2. Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị trong bóng chuyền Kỹ thuật đệm bóng thấp tay | b, c, d, e | | 2 |
| 5 | 3.Kỹ thuật chuyền bóng cao tay trong bóng chuyền | b, c, d, e | | 2 |
| 6 | 4.Kỹ thuật phát bóng (cao và thấp tay) | b, c, d, e | | 2 |

| | | | | |
|---|---|------------|---|----|
| | Thể lực chung và chuyên môn, trò chơi vận động với bóng | | | |
| 7 | 5.Giới thiệu kỹ chiến thuật bóng chuyền (06 tiến, 06 lùi) | b, c, d, e | | 2 |
| 8 | 6.Giới thiệu luật thi đấu và tổ chức thi đấu làm quen | b, c, d, e | | 2 |
| | Tổng cộng: | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | - Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng bài giảng điện tử, phương pháp trình chiếu, kết hợp băng hình và video về kỹ thuật động tác | 1, 2 | a, c |
| 2 | - Phương pháp thị phạm động tác, phương pháp phân tích kỹ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động nhằm tạo hứng thú, khắc phục nhàm chán trong giờ học. | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e |
| 3 | Phương pháp trò chơi vận động, phương pháp thị phạm diễn giải, phân tích, Phương pháp thi đấu, phương pháp phân nhóm. Phương pháp hoàn thiện kỹ thuật bóng chuyền | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e, |

8. Đánh giá kết quả học tập:

8.1 Lịch kiểm tra giữa kỳ (dự kiến)

| Lần kiểm tra | Tiết thứ | Hình thức kiểm tra | Chủ đề/Nội dung được kiểm tra | Nhằm đạt KQHT |
|--------------|----------|--------------------|---|---|
| 1 | 8 | Thực hành | Các kỹ thuật động tác đơn lẻ - Kỹ thuật phát bóng cao tay - Kỹ thuật phát bóng thấp tay | Nhằm làm cho người tập hoàn thiện được các kỹ thuật của động tác đơn lẻ |

8.2. THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC BÓNG CHUYỀN THEO HỆ TÍN CHỈ.

| NỘI DUNG | HÌNH THỨC THI | CÁCH CHO ĐIỂM | YÊU CẦU | GHI CHÚ |
|--|--|--|--|---------|
| Chuyền bóng cao tay cơ bản | Người thực hiện đứng ở vị trí số 3, nhận bóng của người phục vụ thực hiện chuyền bóng qua vị trí số 4. | Thực hiện chuyền bóng 5 quả. Mỗi quả đúng kỹ thuật được 2 điểm | Chuyền bóng quỹ đạo bóng đi hình cung, bóng không xoáy, cao hơn mép trên của lưới 1 mét. | |
| Đệm bóng | Người thực hiện đứng ở vị trí số 6, nhận bóng của người phục vụ thực hiện đệm bóng lên vị trí số 3. | Thực hiện đệm bóng 5 quả. Mỗi quả đúng kỹ thuật được 2 điểm | Đệm bóng quỹ đạo bóng đi hình cung, bóng không xoáy | |
| Phát bóng: -Cao tay(Nam) -Thấp tay(Nữ) | Đúng khu vực phát bóng, phát qua lưới vào trong sân | Thực hiện phát 05 quả mỗi lần vào sân được 2 điểm. | Phát đúng kỹ thuật | |

8.3. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hình thức đánh giá | Nhằm đạt KQHT | Trọng số (%) |
|-----|--|----------------|--------------|
| 2 | Chuyên cần/thái độ: Chuyên cần/thái độ học tập: Điểm danh từng giáo án, sinh viên có tương tác với giảng viên, xem trước tài liệu, tự ôn luyện các bài tập bổ trợ kỹ thuật, thể lực chuyên môn trước khi đến lớp. | a, b, c, d, e, | 10 |
| 1 | Kiểm tra giữa kỳ: Các kỹ thuật động tác đơn lẻ - Kỹ thuật phát bóng cao tay - Kỹ thuật phát bóng thấp tay | b, c, d, e, | 40 |
| 3 | Thi kết thúc học phần: -Kỹ thuật đệm bóng -Kỹ thuật chuyền bóng | b, c, d, e, | 50 |

Điểm học phần = Điểm chuyên cần + điểm kiểm tra giữa kỳ+điểm thi kết thúc

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-------------|--|--------------|--------------|---|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Vũ Đức Thu | Giáo trình tài liệu môn bóng chuyền và bóng rổ | 1995 | Hà Nội | Vụ giáo dục thể chất Bộ Giáo dục và Đào tạo | x | |
| 2 | | Luật bóng chuyền | 2007 | TĐTT, Hà Nội | | | x |

Ngày cập nhật: ngày 15 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)

Trần Văn Tự

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi họ tên)

Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)

Nguyễn Hồ Phong



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Giáo dục quốc phòng – An ninh
Bộ môn: Giáo dục thể chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày Tháng..... năm 2021 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **CẦU LÔNG VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
- Tiếng Anh: Badminton and Training methods

Mã học phần: 85105

Số tín chỉ: 1 TC

Đào tạo trình độ: Đại học; Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Cầu lông là môn thể thao mang tính quân chúng rất cao. Khá nhiều người xem việc tập luyện môn cầu lông như bài tập thể dục. Tuy nhiên, để tập luyện môn cầu lông như môn thể thao thì cần phải được luyện tập kỹ càng từng bước với việc bắt đầu là học cách di chuyển, cách chọn điểm rơi của quả cầu và việc quan trọng nhất là việc thực hiện những kỹ thuật trong môn cầu lông sao cho hợp lý với từng bước di chuyển, từng tình huống cụ thể khi tham gia tập luyện cũng như trong thi đấu.

Khi tham gia học môn cầu lông việc truyền đạt từng động tác kỹ thuật thông qua những buổi lên lớp đến sinh viên, để sinh viên nắm bắt được kỹ thuật là điều mà giáo viên hướng dẫn mong muốn.

3. Mục tiêu:

- Nắm vững tri thức về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn cầu lông trong việc rèn luyện thể chất.
- Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông và phương pháp tập luyện.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- a) Nắm vững tri thức về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn cầu lông.
- b) Xác định điểm rơi và nắm bắt được kỹ thuật tiếp xúc cầu.
- c) Chọn cách di chuyển và thời gian đánh cầu hợp lý.

d) Xử lý, sơ cứu chấn thương đơn giản khi tham gia tập luyện thể thao.

e) Thực hiện được 5 chỉ tiêu phát triển thể lực chung: Nằm ngửa gập bụng, bật xa tại chỗ, chạy 30m XPC (xuất phát cao), chạy 4x10m, chạy tùy sức 5 phút.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT :

| CĐR HP (CLOs) | CĐR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | NHẬP MÔN CẦU LÔNG 1.1. Khái quát chung về môn cầu lông. 1.2. Những kỹ thuật cơ bản trong môn cầu lông. 1.3. Chấn thương, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện môn cầu lông. | a, d | 2 | |
| 2 | - Hướng dẫn các bài tập khởi động chung và khởi động chuyên môn. Hướng dẫn cách cầm vợt, tiếp xúc cầu và cách di chuyển đơn bước trong môn cầu lông | b, c, d | 2 | |
| 3 | - Luyện tập kỹ thuật di chuyển đơn bước, giới thiệu kỹ thuật giao cầu thuận tay, kỹ thuật di chuyển đa bước trong môn cầu lông. Hoàn thiện kỹ thuật giao cầu thuận tay. | a, d | 2 | |
| 4 | - Áp dụng kỹ thuật di chuyển đa bước trong kỹ thuật đánh cầu trên lưới thuận tay và nghịch tay. | b, c, d | | 2 |
| 5 | - Hướng dẫn kỹ thuật di chuyển đa bước về phía cuối sân thực hiện kỹ thuật nhận giao cầu. - Hoàn thiện kỹ thuật di chuyển nhận giao cầu. | b, c, d | | 2 |
| 6 | - Giới thiệu kỹ thuật di chuyển ngang đơn bước đánh cầu thuận tay và nghịch tay. | b, c, d | | 2 |
| 7 | - Hoàn thiện, áp dụng kỹ thuật di chuyển ngang đơn bước đánh cầu thuận và nghịch tay trong thi đấu đôi. | b, c, d | | 2 |
| 8 | - Bài tập phối hợp kỹ thuật giao cầu + kỹ thuật nhận giao cầu trong nội dung đánh đơn. | b, c, d | | 2 |

| | | | | |
|------------|--|------------|---|----|
| 9 | - Bài tập kết hợp di chuyển đa bước + kỹ thuật đánh cầu trên lưới thuận tay, nghịch tay. | b, c, d | | 4 |
| 10 | - Bài tập hỗn hợp giữa kỹ thuật di chuyển đơn bước đánh cầu thuận tay, nghịch tay với kỹ thuật đánh cầu trên lưới thuận tay, nghịch tay. | b, c, d, | | 2 |
| 11 | - Đánh giá, phân loại thể lực theo Quyết định của Bộ GD&ĐT: nằm ngửa gập bụng; bật xa tại chỗ; chạy 30m XPC; chạy con thoi 4 x 10m; chạy 5 phút tùy sức. | b, c, d, e | | 2 |
| Tổng cộng: | | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | - Phương pháp thuyết giảng; Sử dụng bài giảng điện tử, phương pháp trình chiếu, kết hợp bảng hình và video về kĩ thuật động tác | 1, 2, 3 | a, b, c, d |
| 2 | - Phương pháp thi phạm động tác, phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động nhằm tạo hứng thú, khắc phục nhàm chán trong giờ học. | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e, |
| 3 | Phương pháp trò chơi vận động, phương pháp thi phạm điển giải, phân tích, Phương pháp thi đấu, phương pháp phân nhóm. Phương pháp hoàn thiện kĩ thuật bơi. | 9, 10, 11 | b, c, d, e, |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| STT | Hình thức đánh giá | Nhằm đạt KQHT | Trọng số (%) |
|-----|---|---|--------------|
| 1 | Chuyên cần/thái độ. | Đánh giá ý thức học tập | 10 |
| 2 | Kiểm tra giữa kỳ: - Tiếp xúc cầu (tăng cầu). - Giao cầu -Thực hiện 5 test tố chất thể lực chung theo chương trình | - Xác định điểm tiếp xúc giữa cầu và vợt. Là tiền đề để thực hiện những kỹ thuật nâng cao cho chương trình học tiếp theo. - Đánh giá được sự phát triển các tố chất thể lực chung. | 40 |
| 3 | Thi kết thúc học phần - Kỹ thuật di chuyển nhận giao cầu. - Kỹ thuật di chuyển đánh cầu trên lưới thuận và nghịch (trái) tay: | Đánh giá tổng thể kiến thức được tiếp thu bởi người học. | 50 |

Điểm học phần = Điểm chuyên cần + điểm kiểm tra giữa kỳ + điểm thi kết thúc (theo trọng số)

9. Tài liệu dạy học:

| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|----|-------------------|-------------------------------|--------------|------------------|------------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Văn Trạch | Giáo trình giảng dạy Cầu lông | 2012 | Thể dục thể thao | Trường Đại học TDTT Bắc Ninh | x | |
| 2 | Nguyễn Văn Trạch | Cùng nhau chơi cầu lông | 2010 | Trẻ | sách | | x |
| 3 | | Luật Cầu lông | 2015 | | Badmintonvn.com | | x |
| 4 | Trương Hoài Trung | Bài giảng Cầu Lông | | | Thư viện | x | |

Ngày cập nhật: ngày 20 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)



TS. Trương Hoài Trung

TRƯỞNG BỘ MÔN


(Ký và ghi họ tên)



Ths. Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)


Nguyễn Hồ Phong



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
TRUNG TÂM: Giáo dục Quốc phòng và An ninh
Bộ môn: Giáo dục Thể chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **VÕ TAEKWONDO VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
- Tiếng Anh: Taekwondo and Training methods

Mã học phần: 85108

Số tín chỉ: 1 TC

Đào tạo trình độ: Đại học

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả tóm tắt học phần:

Phần 1. Lý thuyết

- Lý luận chung về võ thuật nói chung và môn võ Taekwondo nói riêng
Nguồn gốc, sự phát triển, ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học.
- Làm rõ ý nghĩa và tác dụng của phần NGHI THỨC môn võ Taekwondo.
- Tri thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật: Đấm trung – Đá trước và các đòn đỡ cơ bản trong bài quyền số 1 môn võ Taekwondo.
- Giới thiệu tổng quan về tổ chức thi một giải đấu Taekwondo

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về kỹ năng và phương pháp tư duy;

Trình tự xây dựng luận điểm một cách hợp lý, sáng tạo và tin cậy;

Nhằm giúp sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng về rèn luyện thể chất (nói chung), luyện tập môn võ Taekwondo (nói riêng) trong học tập và đời sống.

Phần 2. Thực hành

Kỹ thuật và phương pháp tập luyện nội dung kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc:

- Thực hiện đúng tác dụng các động tác khởi động chung và chuyên môn
- Thực hiện được NGHI THỨC (nghỉ, nghiêm, chào và tư thế chuẩn bị)
- Thực hiện được kỹ thuật Bất cao kết hợp Chống đẩy (nội dung kiểm tra giữa kỳ)
- Thực hiện được các kỹ thuật Đấm trung, Đỡ (hạ - trung – thượng) và Đá trước
- Thực hiện được bài quyền số 1 môn võ Taekwondo (nội dung thi kết thúc)

Lồng ghép kiến thức – phương pháp cơ bản về xử lý và phòng tránh chấn thương.

3. Mục tiêu:

- Nắm vững tri thức cơ bản về lịch sử phát triển và tinh thần thượng võ của người Việt Nam trong các thời kì lịch sử hào hùng của dân tộc dựng nước và giữ nước.

- Áp dụng phương tiện tập luyện để các em thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản và hình thành các kỹ năng võ thuật ban đầu (Nghiêm túc, tích cực trong khi tập luyện).
- Từ đó vận dụng môn võ Taekwondo vào thực tiễn để phát triển bản thân, lan toả tinh thần rèn luyện sức khoẻ và giúp đỡ cộng đồng (Sáng tạo và có trách nhiệm bản thân).

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, sinh viên có thể:

- Rèn luyện đức tự tin, lòng dũng cảm, trí tuệ tình tường và ý chí sắc bén nhằm nâng cao sức khoẻ và tự vệ.
- Các em bắt chước thái độ và cách cư xử đúng mực của giảng viên để hoàn thiện tốt nhân cách của bản thân.
- Giúp các em thực hiện được những đòn đánh tương đối chính xác và hiệu quả.
- Phát huy năng lực của bản thân để hoàn thành bài quyền số 1 theo hướng sáng tạo và phát huy sở trường của người học khi thi kết thúc học phần môn võ Taekwondo.
- Hình thành thói quen về ý thức tự giác học tập, tinh kiên trì, thái độ tích cực nghiên cứu và nghiêm túc học tập nhằm giúp các em yêu thích hơn môn học này.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT :

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| STT | Chương/Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết |
|--|---|--|---------|
| Lý thuyết kết hợp luyện tập ở thao trường – bãi tập | | | |
| 1 | Lịch sử về võ thuật nói chung và môn võ Taekwondo nói riêng. - Nguồn gốc và sự phát triển võ thuật; - Ý nghĩa và tầm quan trọng môn học; - So sánh Taekwondo với các môn võ khác (bằng trực quan). | Hiểu được lịch sử phát triển nhằm phát huy tinh thần thượng võ người Việt Nam. | 1 |

| | | | |
|---|--|---|---|
| 2 | <p>Lý thuyết – thực hành về ý nghĩa cũng như tác dụng của phần NGHI THỨC trong môn võ Taekwondo gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghi; Nghiêm; Chào và Tư thế chuẩn bị. - Làm quen với các động tác khởi động. - Phân công quản lý nhóm và ổn định lớp. | <p>Nắm rõ nghi thức nhập môn, ý thức về thái độ trong suốt quá trình học.</p> <p>Tuyệt đối phải làm nóng cơ thể trước khi tập luyện.</p> | 1 |
| 3 | <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật ĐÁM TRUNG:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm nắm và đòn nắm căn bản. - Kết hợp phòng tránh chấn thương. <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật BẬT CAO kết hợp CHỐNG ĐÁY (nội dung kiểm tra giữa kỳ)</p> | <p>Nắm rõ kỹ thuật và tránh chấn thương khi áp dụng vào thực tế giúp các em tăng hứng thú tập luyện.</p> <p>Hình thành thói quen về sự tự giác tập luyện và định hướng môn học.</p> | 2 |
| 4 | <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật các ĐÒN ĐỔ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các đòn Đổ Hạ, Trung, Thượng căn bản. - Kết hợp áp dụng các đòn đổ vào thực tế. <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật BẬT CAO kết hợp CHỐNG ĐÁY (nội dung kiểm tra giữa kỳ)</p> | <p>Nắm rõ kỹ thuật, hiểu và hình dung các đòn khi áp dụng vào thực tế; Các em sẽ hứng thú tập luyện hơn.</p> <p>Hình thành thói quen về sự tự giác tập luyện và định hướng môn học.</p> | 2 |
| 5 | <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật ĐÒN ĐÁ TRƯỚC 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 bước cơ bản của đòn đá Ap-Chagi. - Các bài tập bổ trợ cho đòn đá Ap-Chagi. | <p>Nắm rõ kỹ thuật và tránh chấn thương khi áp dụng vào thực tế giúp các em tăng hứng thú tập luyện.</p> | 2 |
| 6 | <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật ĐÒN ĐÁ TRƯỚC 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 bước cơ bản của đòn đá Dollyo-Chagi. - Các bài tập bổ trợ cho đòn đá này. | <p>Nắm rõ kỹ thuật và tránh chấn thương khi áp dụng vào thực tế giúp các em tăng hứng thú tập luyện.</p> | 2 |
| 7 | <p>Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện kỹ thuật ĐÒN ĐÁ TRƯỚC 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 6 bước cơ bản của đòn đá Dollyo-Chagi. - Các bài tập bổ trợ cho đòn đá này. | <p>Cảm nhận được đòn đá hiệu quả.</p> | 2 |
| 8 | <p>Ôn tập các kỹ thuật đã học.</p> | <p>Kiểm tra độ hoàn thiện của các kỹ thuật đã học.</p> | 2 |

| | | | |
|-------------------|---|---|-----------|
| 9 | Đánh giá, phân loại thể lực giữa kỳ: BẬT CAO kết hợp CHỐNG ĐÁY | Kiểm tra thể lực và ý thức giữa kỳ của sinh viên. | 2 |
| 10 | Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện 6 động tác đầu tiên của bài quyền số 1 trong môn võ Taekwondo. | Phối hợp các kỹ thuật và thuộc ngay tại buổi học. | 2 |
| 11 | Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện 6 động tác tiếp theo bài quyền 1 môn võ Taekwondo. | Phối hợp các kỹ thuật và thuộc ngay tại buổi học. | 2 |
| 12 | Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp (PP) tập luyện 6 động tác cuối cùng trong bài quyền số 1 môn võ Taekwondo. | Phối hợp các kỹ thuật và thuộc ngay tại buổi học. | 2 |
| 13 | Ôn tập và hoàn thiện bài quyền số 1. | Phát triển bản thân | 2 |
| TỔNG CỘNG: | | | 24 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|-----------------------------|-------------------------------|---------------|
| 1 | Phương pháp quan sát | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | a,b,c,d,e |
| 2 | Phương pháp dạy học nhóm | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | a,b,c,d,e |
| 3 | Phương pháp trò chơi | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | a,b,c,d,e |
| 4 | Phương pháp dựa trên vấn đề | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | a,b,c,d,e |
| 5 | Phương pháp dự án | 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13 | a,b,c,d,e |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT | Hình thức/tiêu chí đánh giá | Mô tả hình thức / tiêu chí đánh giá | Kế hoạch đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|----|-----------------------------|-------------------------------------|-------------------|---------------|--------------|
| 1 | Chuyên cần / Thái độ | BT theo nhóm | 1 Buổi / Tuần | a,b,c,d,e | 20 |
| 2 | Đánh giá giữa kỳ | Thể lực (Bật cao + Chống đẩy) | Tuần 8 | a,b,c,e | 30 |
| 3 | Đánh giá cuối kỳ | Kỹ thuật (Quyền / KT Đấm-Đá) | Kết thúc | a,b,c,d,e | 50 |

9. Tài liệu dạy và học:

| TT | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|----|---------------------|----------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Hùng Sơn | Kỹ thuật Taekwondo | 1992 | TĐTT, Hà Nội | Trường Đại học TĐTT | | x |
| 2 | Hồ Hoàng Khánh | Căn bản Taekwondo | 1995 | TĐTT, Hà Nội | Trường Đại học TĐTT | | x |
| 3 | Ủy ban TĐTT | Giáo trình Taekwondo | 1999 | TĐTT, Hà Nội | Trường Đại học TĐTT | x | |
| 4 | Giang Thị Thu Trang | Giáo trình Taekwondo | 1999 | TĐTT, Hà Nội | Trường Đại học TĐTT | x | |

Ngày cập nhật: 30/9/2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

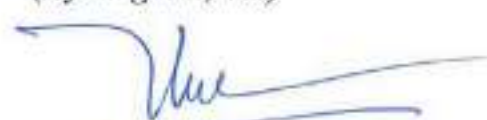
(Ký và ghi họ tên)



Giang Thị Thu Trang

TRƯỞNG BỘ MÔN

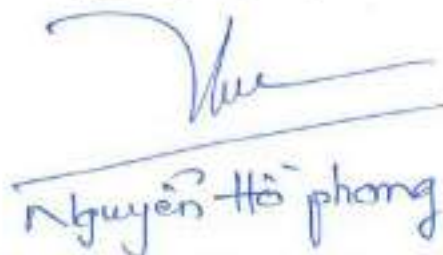
(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)





TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG
Khoa/Viện: Giáo dục quốc phòng – An ninh
Bộ môn: Giáo dục thể chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày Tháng..... năm 2021 của
 Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **BƠI LỢI VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
- Tiếng Anh: **Swimming and Training methods**

Mã học phần: 85066

Số tín chỉ: 1 TC

Đào tạo trình độ: Đại học; Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển, lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn Bơi lội. Trang bị cho người học những động tác kỹ thuật bơi ban đầu, kỹ thuật và phương pháp tập luyện kiểu bơi Trườn sấp, kỹ thuật và phương pháp tập luyện kiểu bơi Éch, kiến thức cơ bản và phương pháp cứu đuối, biết cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn bơi lội. Nhằm làm cho sinh viên nhận thức được tác dụng của bơi lội, từ đó vận dụng vào thực tiễn công việc và đời sống.

Học phần gồm 2 phần:

Phần 1. Lý thuyết:

- Lý luận chung về bơi lội: Lịch sử, phát triển, ý nghĩa & tác dụng của bơi lội đối với việc bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực, bảo vệ tính mạng trong mọi tình huống ở môi trường nước, phục vụ cộng đồng, xã hội.
- Tri thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật 2 kỹ thuật bơi Trườn sấp và bơi éch.
- Tri thức cơ bản cứu người khi bị đuối nước.

Phần 2. Thực hành:

- Thực hiện được động tác kỹ thuật bơi ban đầu (đối tượng mới tập)
- Thực hiện được động tác kĩ thuật kiểu bơi Trườn sấp.
- Thực hiện được động tác kĩ thuật kiểu bơi Éch
- Tập luyện động tác cơ bản, kĩ thuật sơ cấp cứu khi bị đuối nước
- PP giảng dạy, luật & PP trọng tài.

3. Mục tiêu:

- Nắm vững tri thức về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao bơi lội .
- Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật kiểu bơi ếch, bơi trườn sấp và phương pháp tập luyện
- Nắm được kiến thức cơ bản cứu đuối và phòng chống đuối nước.
- Khả năng thực hiện động tác về kỹ thuật kiểu bơi ếch và bơi trườn sấp. Biết cách tổ chức hướng dẫn học sinh tập luyện, biết cách đề phòng tai nạn, công tác tổ chức thi đấu và trọng tài môn bơi lội ở trong nhà trường. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật thở và bơi hết cự ly, phương pháp giảng dạy bơi ếch và bơi trườn sấp.
- Ý thức tự giác học tập, tích cực nghiên cứu, nghiêm túc học tập, nắm bắt kỹ thuật động tác tốt và tham gia các hoạt động trong giờ học.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- a. Người tập nhận thức được lợi ích, tác dụng của môn thể thao bơi lội đối với việc nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, bảo vệ tính mạng, giúp cho cộng đồng xã hội.
- b. Biết được luật bơi lội, phương pháp tổ chức thi đấu các nội dung bơi, phương pháp tập luyện 2 kiểu bơi Trườn sấp và Éch.
- c. Thực hiện được động tác kỹ thuật của 2 kiểu bơi Trườn sấp và bơi Éch.
- d. Thực hiện được động tác kỹ thuật của bơi đứng (đứng nước).
- e. Biết được một số điều cơ bản trong thực hành cứu đuối, phòng chống đuối nước.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT :

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|---|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | - Lịch sử phát triển môn bơi lội trong và ngoài nước; Lợi ích tác dụng của môn bơi lội trong nghề nghiệp và đời sống; Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bơi lội | a, b | 2 | |
| 2 | - Phân tích kỹ thuật các động tác bơi ban đầu (làm quen với nước cho người mới tập) - Phân tích nguyên lý kỹ thuật bơi Trườn sấp; Bơi Éch; Kỹ thuật xuất phát và quay vòng | b, c, d | 2 | |

| | | | | |
|----|---|------------|---|----|
| 3 | <p>Lý thuyết về phương pháp cứu đuối:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết phương pháp tháo gỡ khi bị người đuối ôm chặt - Lý thuyết bơi diu nạn nhân vào bờ - Lý thuyết sơ cứu trên cạn, hô hấp nhân tạo <p>Vận dụng phương pháp cứu đuối trong thực tiễn cuộc sống</p> | a, d | 2 | |
| 4 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện các động tác bơi ban đầu, giai đoạn làm quen với nước: thở nước, tập làm nổi trên mặt nước, tập lướt nước | b, c, d | | 2 |
| 5 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện động tác chân của 2 kiểu bơi Trườn sấp và Éch | b, c, d | | 2 |
| 6 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện động tác tay của 2 kiểu bơi Trườn sấp và Éch | b, c, d | | 2 |
| 7 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện động tác phối hợp tay và thở của 2 kiểu bơi Trườn sấp và Éch | b, c, d | | 2 |
| 8 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện động tác phối hợp tay, chân, thở của 2 kiểu bơi Trườn sấp và Éch | b, c, d | | 2 |
| 9 | - Hoàn thiện kỹ thuật và phương pháp tập luyện hai kiểu bơi Trườn sấp và Éch | b, c, d | | 4 |
| 10 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện động tác đứng nước (bơi đứng chỗ nước sâu). | b, c, d, | | 2 |
| 11 | - Giảng dạy kỹ thuật và phương pháp tập luyện cứu đuối: động tác tháo gỡ khi bị người đuối ôm chặt. | b, c, d, e | | 2 |
| | Tổng cộng: | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | - Phương pháp thuyết giảng: Sử dụng bài giảng điện tử, phương pháp trình chiếu, kết hợp băng hình và video về kĩ thuật động tác | 1, 2, 3 | a, b, c, d |
| 2 | - Phương pháp thị phạm động tác, phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động nhằm tạo hứng thú, khắc phục nhàm chán trong giờ học. | 3, 4, 5, 6, 7, 8 | b, c, d, e, |
| 3 | Phương pháp trò chơi vận động, phương pháp thị | 9, 10, 11 | b, c, d, e, |

| | | |
|---|--|--|
| phạm diện giải, phân tích, Phương pháp thi đấu, phương pháp phân nhóm. Phương pháp hoàn thiện kỹ thuật bơi. | | |
|---|--|--|

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|----------------|--------------|
| 1 | Đánh giá quá trình: Chuyên cần/thái độ học tập: Điểm danh từng giáo án, sinh viên có tương tác với giảng viên, xem trước tài liệu, tự ôn luyện các bài tập bổ trợ kỹ thuật, thể lực chuyên môn trước khi đến lớp. | a, b, c, d, e, | 10 |
| 2 | Kiểm tra giữa kỳ: - Thờ nước, lướt nước. - Bơi 25m kỹ thuật chân, tay ôm phao (chọn 1 trong 2: Trườn sấp hoặc Éch) | c, | 40 |
| 3 | Thi cuối kỳ: - Bơi hoàn thiện kỹ thuật 25m (chọn 1 trong 2: Trườn sấp hoặc Éch) - Thực hiện bơi đúng 1 phút. - Các động tác thực hành cứu đuối. | a, c, d, e | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|------------------------|--------------------------------------|--------------|--------------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Văn Trạch | Giáo trình Bơi lội | 2003 | Đại học Sư phạm | Trường Đại học TDTT | x | |
| 2 | Nguyễn Văn Trạch | Bơi lội (dùng cho sinh viên đại học) | 1999 | TDTT, Hà Nội | Trường Đại học TDTT | | x |
| 3 | TS. Nguyễn Thị Mỹ Linh | Giáo trình Bơi Lội tập 1, 2 | 2016 | Đại học QG, TP HCM | Trường Đại học TDTT | x | |
| 4 | | Luật bơi | 2006 | TDTT, Hà Nội | Trường Đại học TDTT | | x |
| 5 | Nguyễn Hồ Phong | Bài giảng Bơi lội | | | Thư viện | x | |

Ngày cập nhật: ngày 15 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trung tâm: Giáo Dục QP&AN

Bộ môn: Giáo Dục Thể Chất

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHNT ngày Tháng..... năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)*

1. Thông tin về học phần:

Tên học phần:

- Tiếng Việt: **AEROBIC VÀ PHƯƠNG PHÁP TẬP LUYỆN**
Tiếng Anh: **Aerobic and exercise method**

Mã học phần: 851111

Số tín chỉ: 1

Đào tạo trình độ: Đại học, Cao đẳng

Học phần tiên quyết: Không

2. Mô tả học phần:

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển môn thể dục Aerobic, lợi ích, tác dụng của việc tập luyện môn Aerobic. Trang bị cho người học những động tác kỹ thuật ban đầu và phương pháp tập luyện. Thực hiện 7 bước cơ bản của thể dục Aerobic, kiến thức cơ bản và phương pháp xây dựng một bài hoàn chỉnh dựa trên nền nhạc, biết cách tổ chức thi đấu, trọng tài môn Aerobic. Nhằm làm cho sinh viên nhận thức được tác dụng của aerobic, từ đó vận dụng vào thực tiễn công việc và đời sống.

Học phần gồm 2 phần:

Phần 1. Lý thuyết:

Lý luận chung về Aerobic: lịch sử hình thành và phát triển.

Tri thức cơ bản về nguyên lý kỹ thuật 2 kỹ thuật 7 bước cơ bản, 4 nhóm độ khó.

Tri thức cơ bản luật thi đấu, vệ sinh học và chấn thương trong tập luyện.

Phần 2. Thực hành:

- Thực hiện được 7 bước cơ bản, các bài tập hình thành tính nhịp điệu (đối tượng mới tập)

- Thực hiện các kỹ thuật cơ bản của 4 nhóm độ khó Aerobic
- Thực hiện chuỗi vũ đạo thể dục nhịp điệu trên nền nhạc.
- Tập luyện động tác cơ bản, kỹ thuật sơ cấp cứu khi bị chấn thương.
- PP giảng dạy, luật & PP trọng tài.

3. Mục tiêu:

- Nắm vững tri thức về ý nghĩa, tác dụng của việc tập luyện môn thể thao Aerobic .
- Nắm được kiến thức về nguyên lý, kỹ thuật 7 bước cơ bản, 4 nhóm độ khó và phương pháp tập luyện

- Ý thức tự giác học tập, tích cực nghiên cứu, nghiêm túc học tập, nắm bắt kỹ thuật động tác tốt và tham gia các hoạt động trong giờ học.

4. Chuẩn đầu ra (CLOs): Sau khi học xong học phần, người học có thể:

- Người tập nhận thức được lợi ích, tác dụng của môn thể thao Aerobic đối với việc nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất, bảo vệ tính mạng, giúp cho cộng đồng xã hội.
- Thực hiện được động tác kỹ thuật của 7 bước cơ bản và 4 nhóm độ khó.
- Thực hiện được phương pháp tập luyện môn Aerobic
- Biết được một số điều cơ bản về chọn nhạc, xây dựng động tác, thực hiện vũ đạo hoàn thiện trên nền nhạc, phòng chống chấn thương.
- Biết được luật Aerobic, phương pháp tổ chức thi đấu các nội dung của lứa tuổi.

5. Ma trận tương thích giữa Chuẩn đầu ra học phần với Chuẩn đầu ra CTĐT,

| CDR HP (CLOs) | CDR CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | |
|------------------|-----------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| a | M | | | | | | | | | | |
| b | M | | | | | | | | | | |
| c | M | | | | | | | | | | |
| d | M | | | | | | | | | | |
| e | M | | | | | | | | | | |

6. Nội dung:

| TT. | Chủ đề | Nhằm đạt CLOs | Số tiết | |
|-----|--|------------------|---------|----|
| | | | LT | TH |
| 1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc ra đời môn aerobic. Lịch sử phát triển môn aerobic, Lợi ích tác dụng của môn aerobic trong nghề nghiệp và đời sống; Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn aerobic. - Giới thiệu 7 bước cơ bản Aerobic. - Thực hiện 3 động tác: <ul style="list-style-type: none"> + Điệu hành (March) + Chạy bộ (Jog) + Chạy cách quãng (Skip) (hoàn thiện động tác ghép với nhạc) | a,b | 1 | 1 |
| 2 | <ul style="list-style-type: none"> - Ôn lại những động tác đã học. - Thực hiện 3 động tác: <ul style="list-style-type: none"> + Nâng đầu gối (Knee lift) + Đá (Kick) + Jack bật Jack (hoàn thiện động tác ghép với nhạc) - Bài tập phát triển thể lực chung. | b,c,d | | 2 |

| | | | | |
|---|---|-------|---|---|
| 3 | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu kỹ thuật độ khó Aerobic (4 nhóm: A, B, C, D) - Ôn bài lại 6 động tác đã học. - Thực hiện động tác: + Lunge bật Lunge - Hoàn thiện 7 động tác Aerobic cơ bản và ghép trên nhạc nền. - Bài tập phát triển thể lực chung. - Chọn nhạc(2'45" – 3'05") | a,d | 1 | 1 |
| 4 | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp soạn bài Aerobic tự chọn. - Thực hiện các bài tập bổ trợ thực hiện kỹ thuật nhóm A - Giới thiệu các nguyên tắc biên soạn các tư thế của vũ đạo.(Đứng, nằm, quỳ, ngồi) - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. | b,c,d | 1 | 1 |
| 5 | <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn vũ đạo trong Aerobic Tự chọn. - Thực hiện các bài tập bổ trợ thực hiện kỹ thuật nhóm B. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. | b,c,d | | 2 |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn vũ đạo trong bài Aerobic tự chọn. - Đội hình Trong Aerobic (Đội hình chào, 2 đội hình cơ bản, 3 đội hình tự chọn) không gian phù hợp với nhóm tập. - Thực hiện các bài tập bổ trợ thực hiện kỹ thuật nhóm C - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. | b,c,d | 1 | 1 |
| 7 | <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn vũ đạo Aerobic trên nền nhạc. Sử dụng 7 bước cơ bản để chạy đội hình - Thực hiện các bài tập bổ trợ thực hiện kỹ thuật nhóm D. - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn. | b,c,d | | 2 |
| 8 | <ul style="list-style-type: none"> - Biên soạn vũ đạo Aerobic trên nền nhạc. - Đội hình chào 2 (đội hình cơ bản) - Không gian biểu diễn (dưới sàn, trên sàn, trên không) - Các bước liên kết và các bước chuyển trong bài Aerobic. - Cấu trúc bài thi. - Vệ sinh tập luyện và chấn thương thể thao. - Các nguyên nhân chấn thương | b,c,d | | 2 |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu thấp liên kết trong Aerobic. | | | |

| | | | | |
|-------------------|---|-------|---|----|
| 9 | - Biên soạn vũ đạo và sử dụng 7 bước cơ bản để di chuyển đội hình trong Aerobic - Giới thiệu kỹ thuật lên thác, - Bài tập phát triển thể lực chuyên môn | b,c,d | | 2 |
| 10 | - Luật Aerobic - Không gian đội hình - Hoàn thiện bài Aerobic tự chọn.. - Hướng dẫn cách chào sân (vào và ra sân) | b,c,d | 2 | |
| 11 | - Ôn tập hoàn thiện bài Aerobic tự chọn trên nền nhạc.(2 thác liên kết, 5 đội hình) - Vệ sinh tập luyện. - Chấn thương và các nguyên nhân chấn thương. - Sơ cứu và những biện pháp phòng ngừa chấn thương. | b,c,d | | 2 |
| 12 | -Đánh giá, phân loại thể lực theo Quyết định của Bộ GD & ĐT: nằm ngửa gập bụng, bật xa tại chỗ, chạy 30m XPC, chạy con thoi 4x 10m, chạy 5 phút tùy sức. | a,f | | 2 |
| Tổng Cộng: | | | 6 | 18 |

7. Phương pháp dạy học:

| TT. | Phương pháp dạy học | Áp dụng cho chủ đề | Nhằm đạt CLOs |
|-----|--|--------------------|---------------|
| 1 | -Phương pháp thuyết trình, thị phạm động tác, phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. | 1,2,4,6,7,8 | a,b |
| 2 | -Phương pháp thị phạm động tác, phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp phân nhóm. Phương pháp sử dụng trò chơi vận động. | 3,5 | b,c,d |
| 3 | -Phương pháp phân tích kĩ thuật động tác, phương pháp sơ cứu. | 8,11,12 | a,e,f |

8. Đánh giá kết quả học tập:

| TT. | Hoạt động đánh giá | Nhằm đạt CLOs | Trọng số (%) |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1 | Chuyên cần/ thái độ học tập. | a, b, c, d, e, f | 10 |
| | Kiểm tra giữa kỳ: - Thực hiện 7 bước cơ bản dựa trên nền nhạc. Kiểm tra thể lực chuyên môn.(5 yếu tố thể lực) | c, f | 40 |
| 2 | Thi cuối kỳ: - Biểu diễn bài tự chọn theo nhóm trên nền nhạc. | a, c, d, e | 50 |

9. Tài liệu dạy học:

| TT. | Tên tác giả | Tên tài liệu | Năm xuất bản | Nhà xuất bản | Địa chỉ khai thác tài liệu | Mục đích sử dụng | |
|-----|-----------------|----------------------------|--------------|--------------|----------------------------|------------------|-----------|
| | | | | | | Tài liệu chính | Tham khảo |
| 1 | Nguyễn Văn Thời | Giáo trình thể dục Aerobic | 2014 | TĐTT | Trường Đại học TĐTT Hà Nội | x | |
| 2 | | Liên đoàn TD TP HCM | 2013 | TĐTT TP HCM | Trường Đại học TĐTT Hà Nội | | x |
| ... | | Luật Aerobic | 2015 | TĐTT, HCM | Trường Đại học TĐTT Hà Nội | | x |
| | Mai Thị Nụ | Bài giảng Aerobic | | | Thư viện | x | |

Ngày cập nhật: 06 tháng 12 năm 2021

CHỦ NHIỆM HỌC PHẦN

(Ký và ghi họ tên)



Mai Thị Nụ

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT

(Ký và ghi họ tên)



Nguyễn Hồ Phong

